



DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.

Bậc 1_A - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1_B - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưa tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.

Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.
#/+	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu #/+ đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl PO</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS PO</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS PO</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
<i>CONTRAVE PO</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12 PO</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd) PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
<i>SUNOSI PO 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>SUNOSI PO 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS PO 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil PO 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS PO</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Gold Compounds		
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	RIDAURA PO	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
			<i>celecoxib PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>diclofenac potassium TABS PO 50 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac sodium TB24 PO</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC PO</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC PO</i>	1B	
<i>etodolac CAPS PO</i>	1B	
<i>etodolac TABS PO</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS PO</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS PO 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR PO</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS PO 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS PO</i>	1B	QL(0.667 EA daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS PO</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS PO</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS PO</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone PO</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS PO 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP PO</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS PO</i>	1B	
<i>naproxen TBEC PO 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS PO</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS PO</i>	1B	
<i>sulindac TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tolmetin sodium CAPS PO</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS PO 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS PO</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBPK PO</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TBPK PO</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>HYSINGLA ER T24A</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>aspirin CHEW PO</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS PO 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS PO 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC PO 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC PO 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl TABS PO 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS PO</i>	1B		<i>methadone hcl CONC PO</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate PO</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
<i>codeine sulfate TABS PO 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	1B	
<i>CODEINE SULFATE TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS PO 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>morphine sulfate CP24 PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl LIQD PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)			
<i>hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>tramadol hcl TB24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>morphine sulfate TABS PO 30 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	XTAMPZA ER	2	QL(2 EA daily)
<i>morphine sulfate TABS PO 15 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	Opioid Combinations		
<i>morphine sulfate TBCR PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN PO</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABA PO 5 MG, 15 MG, 30 MG</i>	3	QL(12 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
OXYCONTIN T12A PO	3	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxymorphone hcl TABS PO</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ROXYBOND TABA PO 5 MG, 15 MG, 30 MG	3	QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
ROXYBOND TABA PO 10 MG	3		<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 EA daily); PA			
SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA			
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 EA daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS PO 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl PO</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone PO</i>	1B	
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS PO</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	PA
<i>hydrocortisone (intrarectal) PR</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal) PR</i>	1B	
Vasodilating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin (intra-anal) PR</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole PO</i>	1B	PA
EMVERM CHEW PO	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin PO</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel PO</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 PO 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 PO 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS PO</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24 PO</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANSXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl PO 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP PO</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS PO</i>	1B	
<i>meprobamate PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS PO 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24 PO</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP PO</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS PO</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS PO</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC PO</i>	1B	
<i>lorazepam TABS PO 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS PO</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS PO</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS PO</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl PO</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate PO</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12 PO</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS PO</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS PO</i>	1B	
<i>dofetilide PO</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	Limit 2 inhalers per month; QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12 PO</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARNUIITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA			
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B		DULERA	2	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics			<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ML daily)	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP PO</i>	1B		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)
<i>albuterol sulfate TABS PO</i>	1B		SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)			
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STRIVERDI RESPIMAT	2	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terbutaline sulfate TABS PO</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>theophylline ELIX PO</i>	1B	
<i>theophylline SOLN PO</i>	1B	QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12 PO</i>	1B	
<i>theophylline TB24 PO</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS PO</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML</i>	4	SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS PO</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS PO</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL PR</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS PO</i>	1B	
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin SOLN PO</i>	1B	QL(60 ML daily)
APTIOM	3	QL(2 EA daily); ST	<i>gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS PO 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS PO 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW PO 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	<i>lamotrigine CHEW PO 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW PO 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TABS PO</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 PO 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS PO 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP PO</i>	1B		<i>levetiracetam TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TABS PO</i>	1B		<i>levetiracetam TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24 PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxcarbazepine SUSP PO</i>	1B	QL(40 ML daily)
			<i>oxcarbazepine TABS PO 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	DILANTIN PO	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ML daily); PA	DILANTIN PO (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>primidone PO 50 MG, 250 MG</i>	1B		DILANTIN INFATABS CHEW PO (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	DILANTIN-125 SUSP PO (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide TABS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	DILANTIN SUSP PO (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide TABS PO 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
TEGRETOL SUSP PO (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
TEGRETOL TABS PO (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>topiramate CPSP PO 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>phenytoin CHEW PO</i>	1B	
<i>topiramate CPSP PO 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>phenytoin SUSP PO</i>	1B	
<i>topiramate CS24 PO</i>	3	PA	Succinimides		
<i>topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate TABS PO 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zonisamide CAPS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)	ZARONTIN CAPS PO (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Carbamates			Valproic Acid		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>divalproex sodium TB24 PO</i>	1B	
<i>felbamate TABS PO 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC PO</i>	1B	
<i>felbamate TABS PO 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
GABA Modulators			<i>valproic acid CAPS PO</i>	1B	
<i>tiagabine hcl PO</i>	1B		ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>mirtazapine TABS PO 15 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Hydantoins			<i>mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
			<i>mirtazapine TABS PO 30 MG</i>	1B	QL(1.5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mirtazapine TBDP PO 15 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>escitalopram oxalate SOLN PO</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 45 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>escitalopram oxalate TABS PO 10 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 30 MG</i>	1B	QL(1.5 EA daily)	<i>escitalopram oxalate TABS PO 20 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
Antidepressants - Misc.			<i>escitalopram oxalate TABS PO 5 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>bupropion hcl TABS PO</i>	1B	+; QL(3 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG</i>	1B	#; QL(2 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 100 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG</i>	1B	#; QL(3 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 200 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG</i>	1A	#; QL(1 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 150 MG</i>	1B	+; QL(3 EA daily)	<i>fluoxetine hcl CPDR PO</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 PO 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN PO</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>bupropion hcl TB24 PO 150 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>fluoxetine hcl TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			<i>fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EMSAM	3	QL(1 EA daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS PO 100 MG</i>	1B	+; QL(3 EA daily)
MARPLAN PO	2	QL(6 EA daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>phenelzine sulfate PO</i>	1B		<i>paroxetine hcl SUSP PO</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>tranylcypromine sulfate PO</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS PO 30 MG</i>	1B	#; QL(2 EA daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS PO 40 MG</i>	1B	#; QL(1 EA daily)
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS PO 20 MG</i>	1B	#; QL(3 EA daily)
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS PO 10 MG</i>	1B	#; QL(6 EA daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN PO</i>	1B	QL(20 ML daily)	<i>paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 10 MG</i>	1B	#; QL(4 EA daily)	<i>sertraline hcl CONC PO</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 20 MG</i>	1B	#; QL(2 EA daily)	<i>sertraline hcl TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	#; QL(4 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS PO 40 MG</i>	1B	#; QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sertraline hcl TABS PO 100 MG</i>	1B	#; QL(2 EA daily)	<i>desipramine hcl TABS PO</i>	1B	
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>nefazodone hcl PO</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC PO</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS PO</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS PO</i>	1B	+
TRINTELLIX PO	3	QL(1 EA daily); PA	<i>imipramine pamoate PO</i>	1B	
VIIBRYD STARTER PACK KIT PO	3	1 package(s) per 180 day(s) retail	<i>nortriptyline hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nortriptyline hcl SOLN PO</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>protriptyline hcl PO</i>	1B	
<i>desvenlafaxine succinate PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>trimipramine maleate CAPS PO</i>	1B	
<i>desvenlafaxine succinate PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
<i>duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	#; QL(2 EA daily)	Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>duloxetine hcl CPEP PO 40 MG</i>	1B	#	<i>acarbose PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>miglitol PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	Antidiabetic Combinations		
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)	<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)	<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG</i>	1B	+; QL(5 EA daily)	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl TABS PO</i>	1B	#; QL(3 EA daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>glipizide-metformin hcl PO 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
Tricyclic Agents			<i>glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>amitriptyline hcl TABS PO</i>	1B	#	<i>glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>amoxapine PO</i>	1B		<i>glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>clomipramine hcl PO</i>	1B	PA	GLYXAMBI PO	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET TABS PO	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS PO 500 MG</i>	1B	+; QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS PO 1000 MG</i>	1B	+; QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS PO 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 PO 500 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 PO 750 MG</i>	1B	+; QL(3 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	+; QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA PO	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	#; QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	#; QL(1.34 ML daily)
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1B	#
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	#
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	#
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1B	#
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	#
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	#
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	#
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	#
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	#
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	#
NOVOLIN N SUSP	2	#
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	#
NOVOLIN R SOLN IJ	2	#
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	#
SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	#
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide PO 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol PO</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA PO (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE PO	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride PO 1 MG, 2 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>glimepiride PO 4 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24 PO</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS PO</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD PO</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS PO</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS PO</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN PO	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET PO	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS PO</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
<i>deferoxamine mesylate</i>	4	PA
DESFERAL 500 MG (<i>deferoxamine mesylate</i>)	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl PO</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
<i>ANZEMET TABS PO 50 MG</i>	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS PO</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS PO 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS PO 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS PO 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP PO 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP PO 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS PO 25 MG</i>	1B	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>meclizine hcl TABS PO 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS PO</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
<i>AKYNZEO PO</i>	3	PA
<i>AKYNZEO SOLR</i>	4	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC PO</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS PO</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS PO</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS PO 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
<i>aprepitant MISC PO</i>	1B	PA
<i>VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO</i>	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
<i>ERAXIS</i>	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
<i>ABELCET</i>	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine PO</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP PO</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize TABS PO</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize PO</i>	1B		Antihistamines - Non-Sedating		
<i>nystatin TABS PO</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS PO</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>terbinafine hcl TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>desloratadine TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals			<i>desloratadine TBDP PO 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN PO</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>fluconazole SUSR PO</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>fluconazole TABS PO</i>	1B		<i>loratadine CAPS PO</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>loratadine CHEW PO</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	<i>loratadine SOLN PO</i>	1B	
<i>ketoconazole PO</i>	1B		<i>loratadine TABS PO</i>	1A	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	<i>loratadine TBDP PO</i>	1B	
TOLSURA CAPS PO	4	PA	Antihistamines - Phenothiazines		
<i>voriconazole TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML</i>	1B	
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>promethazine hcl SUPP PR 50 MG</i>	1B	
Antihistamines - Alkylamines			<i>promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B		<i>promethazine hcl TABS PO</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			Antihistamines - Piperidines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN PO</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl SYRP PO</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP PO</i>	1B		ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>clemastine fumarate TABS PO 2.68 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG</i>	1A		<i>ezetimibe-simvastatin PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML</i>	1B		Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>omega-3-acid ethyl esters PO</i>	1B	+; QL(4 EA daily)	<i>rosuvastatin calcium TABS PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Bile Acid Sequestrants			<i>simvastatin TABS PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>cholestyramine light PACK PO</i>	1B	QL(6 EA daily)	Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>cholestyramine light POWD PO</i>	1B	QL(24 GM daily)	<i>ezetimibe PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>cholestyramine PACK PO</i>	1B	QL(6 EA daily)	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>cholestyramine POWD PO</i>	1B	QL(25.2 GM daily)	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>colesevelam hcl TABS PO</i>	1B	QL(7 EA daily)	<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	4	QL(0.25 ML daily); PA
<i>colestipol hcl GRAN PO</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.0714 ML daily); PA
<i>colestipol hcl PACK PO</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>REPATHA SOSY</i>	4	QL(0.0714 ML daily); PA
<i>colestipol hcl TABS PO</i>	1B	QL(16 EA daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Fibric Acid Derivatives			ACE Inhibitors		
<i>choline fenofibrate PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>benazepril hcl PO</i>	1B	+
<i>fenofibrate micronized PO 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>captopril PO 12.5 MG</i>	1B	
<i>fenofibrate micronized PO 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate TABS PO</i>	1B	+
<i>gemfibrozil TABS PO</i>	1B	+; QL(2 EA daily)	<i>fosinopril sodium PO</i>	1B	+
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	+
<i>atorvastatin calcium TABS PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>moexipril hcl PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG</i>	3	QL(2 EA daily)	<i>perindopril erbumine PO 4 MG</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily); PV	<i>quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>lovastatin TABS PO 40 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily); PV	<i>quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pravastatin sodium PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ramipril CAPS PO</i>	1B	+
<i>trandolapril PO 4 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>trandolapril PO 1 MG, 2 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl PO</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI PO	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>telmisartan PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS PO</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS PO</i>	1B	+; QL(8 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)
<i>doxazosin mesylate PO</i>	1B	
<i>guanfacine hcl PO</i>	1B	
<i>methyldopa TABS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>terazosin hcl PO</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl PO</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atenolol & chlorthalidone PO</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	+
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	+
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL PO	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone PO</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS PO</i>	1B	+
<i>minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA
<i>metronidazole TABS PO</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS PO</i>	1B	
XIFAXAN PO 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN PO 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR PO	2	PA
<i>atovaquone PO</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS PO</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone PO</i>	3	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl PO</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride PO</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate PO</i>	1B	
<i>nitrofurantoin PO</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro PO</i>	1B	

ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
(Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl PO</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS PO 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS PO 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl PO</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS PO</i>	3	
<i>pyrimethamine PO</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS PO 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS PO 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR PO</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS PO</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP PO</i>	1B	
<i>isoniazid TABS PO</i>	1B	
PRIFTIN PO	3	
<i>pyrazinamide PO</i>	1B	
<i>rifabutin PO</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS PO</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SIRTURO	3	PA
TRECTOR PO	3	QL(4 EA daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
BELRAPZO SOLN	4	PA
BENDAMUSTINE HCL SOLN	4	PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
BENDEKA SOLN	4	PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML</i>	4	PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML</i>	4	PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
EVOMELA IV	4	PA
GLEOSTINE PO 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG	4	PA
IFEX SOLR	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
IFOSFAMIDE SOLR	4	PA
LEUKERAN PO	4	SP; PA
<i>melphalan PO</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS PO	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>temozolomide CAPS PO</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG</i>	1B	SP
TEPADINA 100 MG (<i>thiotepa</i>)	4	PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG</i>	4	PA
<i>thiotepa 100 MG</i>	4	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
VIVIMUSTA SOLN	4	PA	<i>pralatrexate</i>	4	PA
YONDELIS	4	PA	TABLOID PO	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA	TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antimetabolites			Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
ALIMTA SOLR 100 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	4	PA	CYRAMZA	4	PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>capecitabine PO</i>	4	SP; PA	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	4	PA	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	4	PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
FOLOTYN 40 MG/2ML	4	PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM</i>	4	PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>gemcitabine hcl SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	4	PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS PO</i>	1B				
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BAVENCIO	4	PA	VECTIBIX 400 MG/20ML	4	PA
BESPOUSA	4	PA	VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
BLINCYTO	4	PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DARZALEX	4	PA	DAURISMO	4	PA
EMPLICITI	4	PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
GAZYVA	4	PA	ODOMZO PO	4	QL(1 EA daily); PA
IMFINZI	4	PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
KADCYLA	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
KEYTRUDA	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
LIBTAYO	4	PA	<i>anastrozole PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
LUMOXITI	4	PA	<i>bicalutamide PO</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	4	PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
POTELIGEO	4	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
RUXIENCE	4	PA	EMCYT PO	4	SP; PA
TECENTRIQ 1200 MG/20ML	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>flutamide PO</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole PO</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA			
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA			
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA			
PORTRAZZA	4	PA			
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA			
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA			
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG	4	PA
LYSODREN PO	4	SP; PA	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA
<i>megestrol acetate SUSP PO</i>	1B		XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
<i>megestrol acetate TABS PO</i>	1B		XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA
<i>nilutamide PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	Antineoplastic Antibiotics		
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
ORGOVYX	4	PA	<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0		<i>daunorubicin hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0		DAUNORUBICIN HCL SOLN 50 MG/10ML (<i>daunorubicin hcl</i>)	4	PA
<i>toremifene citrate PO</i>	1B		<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG</i>	4	PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	4	SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators			<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastic Combinations		
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG	4	PA			
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VYXEOS	4	PA	<i>imatinib mesylate PO</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 EA daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ALUNBRIG TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
BELEODAQ	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); PA	KOSELUGO	4	PA
BRAFTOVI PO 75 MG	4	QL(6 EA daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BRUKINSA	4	PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
CABOMETYX TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	LYNPARZA TABS PO	4	QL(4 EA daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	MEKINIST TABS PO 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
CAPRELSA PO	4	QL(1 EA daily); SP; PA	MEKINIST TABS PO 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA	MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); SP; PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
COPIKTRA PO	4	PA	PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA	QINLOCK	4	PA
ICLUSIG PO	4	QL(1 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZELBORAF PO	4	QL(8 EA daily); SP; PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate PO</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 EA daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate PO 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>bexarotene PO</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS PO	4	QL(4 EA daily); PA	<i>hydroxyurea PO</i>	1B	
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	MATULANE PO	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 EA daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	TICE BCG	4	PA
TIBSOVO	4	PA	<i>tretinoin (chemotherapy) PO</i>	1B	
TURALIO PO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO PO	4	AC; PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	ELITEK	4	PA
VITRAKVI CAPS PO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI SOLN	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA	KHAPZORY	4	PA
XOSPATA	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
ZEJULA CAPS PO	4	QL(3 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium TABS PO</i>	1B	
			<i>mesna SOLN</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	4	PA
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel</i> CONC 20 MG/ML	4	SP; PA
<i>docetaxel</i> SOLN 20 MG/2ML	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide</i> CAPS PO	4	SP; PA
<i>etoposide</i> SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	4	SP; PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 45 MG	4	PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel</i> 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	4	SP; PA
<i>paclitaxel</i> 30 MG/5ML, 300 MG/50ML	4	PA
<i>paclitaxel</i> protein-bound particles	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate</i> 10 MG/ML	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate</i> 50 MG/5ML	4	PA
Oncolytic Viral Agents		
IMLYGIC	4	PA
Topoisomerase I Inhibitors		
CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	4	PA
HYCAMTIN CAPS PO	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl</i> 300 MG/15ML	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irinotecan hcl</i> 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA
ONIVYDE	4	PA
<i>topotecan hcl</i> SOLN	4	PA
TOPOTECAN HCL SOLN	4	PA
<i>topotecan hcl</i> SOLR	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i> PO	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate</i> SOLN	1B	
<i>benztropine mesylate</i> TABS PO	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> SOLN	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> TABS PO	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i> PO	1B	QL(8 EA daily)
TASMAR PO (<i>tolcapone</i>)	3	
<i>tolcapone</i> PO	3	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl</i> CAPS PO	1B	
<i>amantadine hcl</i> SOLN	1B	
<i>amantadine hcl</i> TABS PO	1B	
<i>apomorphine hydrochloride</i> SOCT	4	PA
<i>bromocriptine mesylate</i> CAPS PO	1B	
<i>bromocriptine mesylate</i> TABS PO 2.5 MG	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i> PO	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TABS PO	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBCR PO	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa TBDP PO</i>	1B		<i>lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
NEUPRO	2		<i>ziprasidone hcl PO</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B		Benzisoxazoles		
<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	FANAPT PO	2	QL(2 EA daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TABS PO</i>	1B		FANAPT TITRATION PACK PO	2	PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST	<i>paliperidone PO 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	<i>paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>rasagiline mesylate PO</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS PO</i>	1B		<i>risperidone SOLN PO</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>selegiline hcl TABS PO</i>	1B		<i>risperidone TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>risperidone TBDP PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
Antimanic Agents			Butyrophenones		
<i>lithium PO</i>	1B		<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>lithium carbonate CAPS PO</i>	1B		<i>haloperidol lactate CONC PO</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS PO</i>	1B		<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR PO</i>	1B		<i>haloperidol TABS PO</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.			Dibenzapines		
EQUETRO PO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST	<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
EQUETRO PO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST	<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
EQUETRO PO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST	<i>clozapine TABS PO</i>	1B	
<i>lurasidone hcl PO 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>clozapine TBDP PO 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>clozapine TBDP PO 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>clozapine TBDP PO 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
			<i>loxapine succinate PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TBDP PO 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS PO 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 PO 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC PO</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX PO</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>perphenazine TABS PO</i>	1B	
<i>prochlorperazine PR</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS PO</i>	1B	
<i>thioridazine hcl PO</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS PO</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene PO</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN PO</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS PO</i>	1B	
APTIVUS CAPS	2	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS PO 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ATRIPLA PO (<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
BIKTARVY	2	QL(1 EA daily)
CIMDUO	2	QL(1 EA daily)
COMBIVIR PO (<i>lamivudine-zidovudine</i>)	3	
COMPLERA	2	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
DELSTRIGO	2	QL(1 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily); PA
DOVATO	2	QL(1 EA daily)
EDURANT	2	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS PO 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS CHEW	2	QL(6 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS PACK PO	2	QL(8 EA daily)
<i>efavirenz TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS PO	2	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)	JULUCA	2	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN PO (<i>lopinavir-ritonavir</i>)	3	QL(12.5 ML daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	KALETRA TABS PO (<i>lopinavir-ritonavir</i>)	2	QL(4 EA daily)
EMTRIVA CAPS PO (<i>emtricitabine</i>)	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily)
EMTRIVA SOLN	2	QL(24 ML daily)	<i>lamivudine TABS PO 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EPIVIR SOLN PO (<i>lamivudine</i>)	3	QL(30 ML daily)	<i>lamivudine TABS PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
EPIVIR TABS PO 300 MG (<i>lamivudine</i>)	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine PO</i>	1B	
EPIVIR TABS PO 150 MG (<i>lamivudine</i>)	3	QL(2 EA daily)	LEXIVA SUSP PO	2	QL(56 ML daily)
EPZICOM PO (<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>)	3	QL(1 EA daily)	LEXIVA TABS PO (<i>fosamprenavir calcium</i>)	3	QL(4 EA daily)
<i>etravirine PO 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN PO</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>etravirine PO 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
EVOTAZ	2	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS PO 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>maraviroc TABS PO 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	<i>nevirapine SUSP PO</i>	1B	QL(40 ML daily)
GENVOYA	2	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TABS PO</i>	1B	
INTELENCE PO 100 MG (<i>etravirine</i>)	3	QL(4 EA daily)	<i>nevirapine TB24 PO 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
INTELENCE PO 25 MG	3	QL(8 EA daily)	<i>nevirapine TB24 PO 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
INTELENCE PO 200 MG (<i>etravirine</i>)	3	QL(2 EA daily)	NORVIR CAPS PO	2	QL(12 EA daily)
ISENTRESS HD TABS PO	2	QL(2 EA daily)	NORVIR PACK	2	QL(12 EA daily)
			NORVIR SOLN	2	QL(15 ML daily)
			NORVIR TABS PO (<i>ritonavir</i>)	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIFELTRO	2	QL(1 EA daily)	SYMFI LO (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
PREZCOBIX	2	QL(1 EA daily)	SYMTUZA	2	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	2	QL(12 ML daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS PO	1B	
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	2	QL(2 EA daily)	TIVICAY PD TBSO	2	
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	2	QL(2 EA daily)	TIVICAY TABS	2	QL(2 EA daily)
PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	2	QL(1 EA daily)	TRIUMEQ PD TBSO	2	
RETROVIR CAPS PO (<i>zidovudine</i>)	3		TRIUMEQ TABS	2	QL(1 EA daily)
RETROVIR SOLN	1B		TRIZIVIR PO	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SYRP PO (<i>zidovudine</i>)	3		TRUVADA PO (<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
REYATAZ CAPS PO 300 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(1 EA daily)	TYBOST	2	QL(1 EA daily)
REYATAZ CAPS PO 200 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(2 EA daily)	VIRACEPT TABS PO 250 MG	2	QL(10 EA daily)
REYATAZ PACK	2		VIRACEPT TABS PO 625 MG	2	QL(4 EA daily)
<i>ritonavir</i> TABS PO	1B	QL(12 EA daily)	VIREAD POWD	2	QL(7.5 GM daily)
RUKOBIA	2	PA	VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG	2	QL(1 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)	VIREAD TABS PO (<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	
SELZENTRY TABS PO (<i>maraviroc</i>)	3	QL(2 EA daily)	ZIAGEN SOLN PO (<i>abacavir sulfate</i>)	3	QL(32 ML daily)
SELZENTRY TABS PO 300 MG (<i>maraviroc</i>)	3	QL(4 EA daily)	ZIAGEN TABS PO (<i>abacavir sulfate</i>)	3	
SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine</i> CAPS PO	1B	
<i>stavudine</i> CAPS PO	1B	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine</i> SYRP PO	1B	
STRIBILD	2	QL(1 EA daily)	<i>zidovudine</i> TABS PO	1B	
SUNLENCA TBPK 300 MG	2		CMV Agents		
SUSTIVA CAPS PO 200 MG (<i>efavirenz</i>)	3	QL(2 EA daily)	<i>cidofovir</i>	3	
SUSTIVA CAPS PO 50 MG (<i>efavirenz</i>)	3	QL(3 EA daily)	<i>ganciclovir sodium</i> SOLR	1B	
SYMFI (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	<i>valganciclovir hcl</i> TABS PO	1B	QL(4 EA daily); PA
			Hepatitis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>adefovir dipivoxil PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>oseltamivir phosphate SUSR PO</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
<i>entecavir TABS PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
EPIVIR HBV SOLN	2	QL(60 ML daily); SP; PA	<i>rimantadine hydrochloride TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
EPIVIR HBV TABS PO (<i>lamivudine (hbv)</i>)	3	QL(3 EA daily); SP	BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>lamivudine (hbv) TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily); SP	Alpha-Beta Blockers		
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA	<i>carvedilol PO</i>	1B	+
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>carvedilol phosphate PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS PO</i>	1B	QL(7 EA daily)	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)	<i>labetalol hcl TABS PO 300 MG</i>	1B	+; QL(8 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1B	+
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA	Beta Blockers Cardio-Selective		
Herpes Agents			<i>acebutolol hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>acyclovir CAPS PO</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)	<i>atenolol TABS PO</i>	1B	+
<i>acyclovir SUSP PO</i>	1B	QL(13.34 ML daily)	<i>betaxolol hcl PO</i>	1B	
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>bisoprolol fumarate PO</i>	1B	+
<i>famciclovir PO 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 PO 200 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>famciclovir PO 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	+
<i>valacyclovir hcl PO 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>valacyclovir hcl PO 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	+
Influenza Agents			<i>nebivolol hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>oseltamivir phosphate CAPS PO</i>	1B	QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>nebivolol hcl PO 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
			Beta Blockers Non-Selective		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS PO 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS PO 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS PO 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>pindolol TABS PO</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS PO</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af) PO</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sotalol hcl TABS PO 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS PO</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS PO</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl extended release beads PO 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24 PO</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS PO</i>	1B	+

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine PO</i>	1B	+
<i>isradipine CAPS PO</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS PO 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine CAPS PO 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 PO 30 MG</i>	1B	+
<i>nifedipine TB24 PO 90 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 PO</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 PO 60 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS PO</i>	1B	
<i>nisoldipine PO</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS PO</i>	1B	+
<i>verapamil hcl TBCR PO</i>	1B	+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil PO</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate PO</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
STENDRA PO 50 MG, 100 MG, 200 MG (<i>avanafil</i>)	3	QL(0.134 EA daily)
<i>tadalafil PO 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan PO</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRACLEER TBSO	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS PO	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS PO</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR PO</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS PO</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS PO</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR PO</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS PO</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR PO</i>	1B	
<i>cefprozil TABS PO</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS PO</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS PO</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR PO</i>	1B	
<i>cefixime CAPS PO</i>	1B	
<i>cefixime SUSR PO</i>	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR PO</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS PO</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
Cephalosporins - 4th Generation		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
<i>desogestrel & ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium PO</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad PO</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW PO</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet & estrad-fe TABS PO 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & eth estradiol PO</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe PO</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone acet & eth estra TABS PO</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive) PO</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe PO</i>	0		OPILL PO	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0		SLYND PO	0	QL(1 EA daily)
<i>norgestimate-ethinyl estradiol PO</i>	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0		Glucocorticosteroids		
<i>norgestrel & ethinyl estradiol PO 30 MCG-0.3 MG</i>	0		<i>budesonide CPEP PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
TYBLUME CHEW	0		<i>deflazacort SUSP PO</i>	4	PA
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>deflazacort TABS PO</i>	4	PA
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	<i>dexamethasone ELIX PO</i>	1B	
Emergency Contraceptives			<i>dexamethasone SOLN PO</i>	1B	
ELLA PO	0		<i>dexamethasone TABS PO 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone TABS PO 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			EMFLAZA SUSP PO (<i>deflazacort</i>)	4	PA
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
			<i>hydrocortisone TABS PO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDROL TABS PO	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS PO</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPk PO</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN PO 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBPk PO</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS PO</i>	1B	
<i>prednisone SOLN PO</i>	1B	
<i>prednisone TABS PO 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS PO 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPk PO</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF (<i>hydrocortisone sod succinate</i>)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS PO</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzonatate PO 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate PO 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>benzonatate PO 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER PO</i>	1B	
TUZISTRA XR PO	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 GM daily)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antifungals - Topical		
<i>isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily); RX/OTC
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)			
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavorole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); SP; PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
			TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
			TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antipsoriatics			TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ML daily); PA
<i>acitretin PO 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>acitretin PO 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	Antiseborrheic Products		
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA	Antivirals - Topical		
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	Burn Products		
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA	SULFAMYLLON CREA	3	
<i>methoxsalen rapid PO</i>	1B	QL(4 EA daily)	Corticosteroids - Topical		
SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT	4	QL(0.025 EA daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA			
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
			<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)	Eczema Agents		
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	Emollients		
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	SANTYL OINT	3	PA
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)			
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)			
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)			
<i>prednicarbate OINT</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lindane SHAM</i>	1B	
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 GM daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	#
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	#
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	#
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	#
KETONE TEST STRP	1B	#
KETOSTIX STRP	1B	#
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	#
PRECISION XTRA KETONE	1B	#
RELION KETONE TEST STRP	1B	#
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	#; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	#; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Digestive Enzymes		
CREON CPEP PO	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT- 126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT- 5000 UNIT, 42000 UNIT- 32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT- 63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dichlorphenamide PO</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS PO</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide PO</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid PO</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS PO</i>	1B	
<i>torseamide TABS PO</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS PO</i>	1B	
<i>spironolactone TABS PO</i>	1B	
<i>triamterene CAPS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS PO 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS PO 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS PO 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>metolazone PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)	EGRIFTA SV	4	PA
FOSAMAX PLUS D PO	3	QL(0.143 EA daily); PA	Growth Hormones		
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
<i>ibandronate sodium TABS PO</i>	1B	QL(0.036 EA daily)	GENOTROPIN CART SC	4	PA
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
<i>risedronate sodium TABS PO 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA	ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TABS PO 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	Hormone Receptor Modulators		
<i>risedronate sodium TABS PO 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA	OSPHENA PO	3	PA
<i>risedronate sodium TBEC PO</i>	1B	PA	<i>raloxifene hcl PO</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA	Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
TYMLOS	4	PA	INCRELEX	4	SP; PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA	LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
Corticotropin			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
ACTHAR GEL	3	PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
Fertility Regulators			SYNAREL	4	SP; PA
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA	Metabolic Modifiers		
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA	ALDURAZYME	4	SP; PA
GnRH/LHRH Antagonists			<i>betaine PO</i>	4	SP; PA
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>calcitriol CAPS PO</i>	1B	
ORLISSA	2	PA	<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			<i>cinacalcet hcl PO</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
			<i>doxercalciferol CAPS PO</i>	1B	
			<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELAPRASE	4	SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS PO</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS PO</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD PO</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS PO</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline PO</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPk	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol PO</i>	1B	
PREMPHASE PO	2	
PREMPRO PO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS PO</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST PO	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS PO</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR PO</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B		<i>mesalamine SUPP PR</i>	3	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B		<i>mesalamine TBEC PO 1.2 GM</i>	3	
<i>levofloxacin TABS PO 500 MG</i>	1A		<i>mesalamine TBEC PO 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>levofloxacin TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1B		RENFLEXIS	4	PA
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B		SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
<i>moxifloxacin hcl TABS PO</i>	1B		SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
<i>ofloxacin PO 300 MG, 400 MG</i>	1B		STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs			<i>sulfasalazine TABS PO</i>	1B	
Bile Acid Synthesis Disorder Agents			<i>sulfasalazine TBEC PO</i>	1B	
CHOLBAM	4	SP; PA	Intestinal Acidifiers		
Gallstone Solubilizing Agents			<i>lactulose (encephalopathy) PO</i>	1B	
<i>ursodiol CAPS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)	Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>ursodiol TABS PO</i>	1B		<i>alosetron hcl PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Chloride Channel Activators			LINZESS	2	QL(1 EA daily)
<i>lubiprostone PO</i>	1B	QL(2 EA daily)	Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
Gastrointestinal Stimulants			<i>alvimopan PO</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		MOVANTIK PO	3	QL(1 EA daily); PA
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)	Phosphate Binder Agents		
<i>metoclopramide hcl TABS PO</i>	1A	QL(6 EA daily)	<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO</i>	1B	
Inflammatory Bowel Agents			<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS PO</i>	1B	RX/OTC
<i>balsalazide disodium CAPS PO</i>	1B	QL(9 EA daily)	<i>lanthanum carbonate CHEW PO</i>	1B	
DIPENTUM PO	2		<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
INFLECTRA SOLR	4	PA	<i>sevelamer carbonate TABS PO</i>	1B	
<i>mesalamine CP24</i>	1B		VELPHORO	3	PA
<i>mesalamine CPDR PO</i>	1B		GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive		
<i>mesalamine ENEM PR</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid PO</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS PO	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS PO	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl PO</i>	3	PA
<i>finasteride PO</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin PO</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl PO</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid PO</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol PO 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid PO</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl PO</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole PO</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
BRILINTA PO	2	QL(2 EA daily)
<i>cilostazol PO</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate PO 75 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate PO 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole PO</i>	1B	
<i>prasugrel hcl PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
ZONTIVITY PO	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS PO</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 EA daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
GRANIX SOLN	4	PA
GRANIX SOSY	4	PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 EA daily); PA
PROMACTA TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC PO</i>	0	
INFED	4	PA
VENOFER	4	PA
Stem Cell Mobilizers		
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS PO</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS PO</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX PO</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS PO</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (sleep) PO</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam PO</i>	1B	
<i>eszopiclone PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl PO</i>	1B	
<i>temazepam PO 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam PO 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam PO</i>	1B	
<i>zaleplon PO 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS PO</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon PO</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS PO</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN PO</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP PO	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP PR</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC PO</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium PO</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS PO 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS PO 250 MG</i>	1A	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK PO</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR PO</i>	1B	
<i>azithromycin TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS PO 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS PO 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clarithromycin SUSR PO</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS PO</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24 PO</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP PO</i>	3	
<i>erythromycin base TABS PO</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC PO</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR PO</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS PO</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)			
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0		FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
Diabetic Supplies			FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
ADVOCATE CONTROL SOLUTION LIQD	1B	#	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLN	1B	#	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
AGAMATRIX CONTROL SOLN	1B	#	FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(0.072 EA daily); PA
CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL LIQD	1B	#	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
CONTOUR CONTROL LIQD	1B	#	FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
DIATRUE CONTROL LEVEL 3 SOLN	1B	#	GLUCOCOM CONTROL LIQD	1B	#
EASY PLUS II CONTROL SOLN	1B	#	INFINITY CONTROL SOLN	1B	#
EASY STEP CONTROL SOLN	1B	#	LIBERTY GLUCOSE CONTROL SOLN	1B	#
EASY TALK CONTROL SOLN	1B	#	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	#, RX/OTC
EASY TALK PLUS II CONTROL SOLN	1B	#	ONETOUCH VERIO LIQD	1B	#
EASY TRAK CONTROL SOLN	1B	#	PRODIGY CONTROL SOLUTION SOLN	1B	#
ELEMENT CONTROL LIQD	1B	#	RELION LANCET DEVICES 30G	1B	#, RX/OTC
EMBRACE GLUCOSE CONTROL LIQD	1B	#	RELION LANCETS	1B	#, RX/OTC
EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLN	1B	#	RIGHTEST GC300 CONTROL LIQD	1B	#
FORA CONTROL SOLN	1B	#	SELECT LANCETS	1B	6.66/day
FORACARE GDH CONTROL SOLN	1B	#	SOLUS V2 CONTROL SOLN	1B	#
FORTISCARE CONTROL SOLN	1B	#	SURESTEP PRO HIGH GLUCOSE LIQD	1B	#
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	#
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	UNISTRIP CONTROL SOLN	1B	#
			Parenteral Therapy Supplies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #	<i>eletriptan hydrobromide PO</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>frovatriptan succinate PO</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>naratriptan hcl PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY PO	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS PO</i>	1B	QL(1.5 EA daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium PO</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate TABS PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)			
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate PO 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>almotriptan malate PO 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TABS PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP PO</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
Bicarbonates			POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B		Fluoride		
Calcium			<i>sodium fluoride CHEW PO</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		Magnesium		
Electrolyte Mixtures			<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		Phosphate		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		Potassium		
ELLIOTTS B	4	PA	<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF PO</i>	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er PO</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B		<i>potassium chloride CPCR PO</i>	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1B				
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B				
<i>lactated ringer's</i>	1B				
NORMOSOL-M IN D5W	1B				
NORMOSOL-R PH 7.4	1B				
PLASMA-LYTE 148 (electrolyte-148)	1B				
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride</i> PACK PO 20 MEQ	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride</i> SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1B		<i>everolimus</i> (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	4	QL(20 EA daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>everolimus</i> (immunosuppressant) 1 MG	4	QL(10 EA daily); PA
<i>potassium chloride</i> TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	1B		<i>mycophenolate mofetil</i> CAPS PO	1B	
Sodium			<i>mycophenolate mofetil</i> TABS PO	1B	
<i>sodium chloride</i> SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	1B		<i>mycophenolate sodium</i> PO	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			NULOJIX	4	SP; PA
Chelating Agents			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine</i> CAPS PO	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine</i> TABS PO	1B	QL(8 EA daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl</i> PO 250 MG	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>sirolimus</i> TABS PO	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus</i> CAPS PO	1B	
<i>lenalidomide</i> PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide</i> PO 20 MG	4	QL(1 EA daily); PA	Irrigation Solutions		
THALOMID PO	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE SODIUM	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine</i> TABS PO	1B		Potassium Removing Agents		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion)</i> CAPS PO	1B		LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion)</i> SOLN PO	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate</i> POWD PO	1B	
<i>cyclosporine</i> CAPS PO	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate</i> SUSP CO 15 GM/60ML	1B	
<i>cyclosporine</i> SOLN IV 50 MG/ML	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
			Anesthetics Topical Oral		
			<i>lidocaine hcl</i> (mouth-throat) 4 %	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)	MASONATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Anti-infectives - Throat			M-NATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>clotrimazole</i>	1B		MULTI PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS PO 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
DEBACTEROL	2		NEONATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Dental Products			NIVA-PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental			ONE VITE WOMENS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl PO</i>	1B		PRENATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral) PO</i>	1B		PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
Ped MV w/ Fluoride					
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW PO</i>	1A	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
CVS PRENATAL TABS PO 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
FT PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
QC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
RA PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)
RA PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS PO</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS PO</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS PO 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS PO 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone PO 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12 PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS PO</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS PO</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS PO</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR PO 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR PO 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS PO</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS PO 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR PO</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS PO</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS PO</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12 PO</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium PO</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate PO 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite) PO</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS PO</i>	0	
<i>progesterone CAPS PO</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium PO</i>	1B	
<i>disulfiram PO</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN PO</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS PO</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline PO</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS PO	2	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA
<i>tetrabenazine PO</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ingolimid hcl PO</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(3.25 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide PO</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS PO</i>	1B	
<i>pimozide PO</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent) PO</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS PO</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS PO 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS PO</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS PO</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS PO</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS PO</i>	1B	
<i>propylthiouracil PO</i>	1B	
Thyroid Hormones		
<i>ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
<i>ARMOUR THYROID TABS PO</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS PO</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS PO</i>	1B	
<i>NP THYROID TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>SYNTHROID TABS PO (levothyroxine sodium)</i>	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
<i>ADACEL SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSY</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>KINRIX SUSY</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSP</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSY</i>	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS PO</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS PO 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS PO 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide PO</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS PO</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR PO</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS PO</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP PO</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS PO</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR PO 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR PO 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC (<i>esomeprazole magnesium</i>)	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC PO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol PO</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
(Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS PO 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24 PO</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS PO</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS PO</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24 PO</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tropium chloride TABS PO</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride PO 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl PO</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Viral Vaccines			FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSVO	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0		FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSY	0		FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-11	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
IPOL	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VAC (BOOSTER) SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		ROTARIX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0		ROTARIX SUSR PO	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y SUSP	0		ROTATEQ SOLN PO	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			SPIKEVAX SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
SHUR-SEAL CONTRACEPTIVE GEL	0	
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl PO</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS PO</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS PO 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS PO</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR PO	1B	
<i>niacinamide TABS PO 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS PO 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS PO</i>	1A	
<i>niacin TBCR PO</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN PO	32	acyclovir SUSP PO	35	AKYNZEO PO	18
abacavir sulfate TABS PO	32	acyclovir TABS PO	35	AKYNZEO SOLR	18
abacavir sulfate-lamivudine PO	32	acyclovir topical CREA	43	albendazole PO	8
ABELCET	18	acyclovir topical OINT	43	albuterol sulfate AERS	10
abiraterone acetate 250 MG	26	ADACEL SUSP	67	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	10
abiraterone acetate 500 MG	26	adapalene CREA	40	albuterol sulfate NEBU	10
ABRYSVO	69	adapalene GEL 0.1 %	40	albuterol sulfate SYRP PO	10
acamprosate calcium PO	65	adapalene GEL 0.3 %	40	albuterol sulfate TABS PO	10
acarbose PO	15	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	40	alclometasone dipropionate CREA	43
acebutolol hcl CAPS PO	35	ADCETRIS	25	alclometasone dipropionate OINT	43
acetaminophen w/ codeine SOLN PO	6	adefovir dipivoxil PO	35	ALDURAZYME	48
acetaminophen w/ codeine TABS PO	6	ADEMPAS PO	37	ALECENSA	28
15 MG-300 MG	6	ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	67	alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG	47
acetaminophen w/ codeine TABS PO	6	ADVATE	51	alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG	47
30 MG-300 MG	6	ADVOCATE CONTROL SOLUTION	56	alfuzosin hcl PO	51
acetaminophen w/ codeine TABS PO	6	LIQD	56	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	25
60 MG-300 MG	6	ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLN	56	ALINIA SUSR PO	22
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADYNOVATE	51	aliskiren fumarate PO	22
acetazolamide CP12 PO	47	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	69	allopurinol PO 100 MG, 300 MG	51
acetazolamide sodium	47	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	69	almotriptan malate PO 12.5 MG	57
acetazolamide TABS PO 125 MG	47	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	69	almotriptan malate PO 6.25 MG	57
acetazolamide TABS PO 250 MG	47	AFLURIA SUSP	69	ALOCRIAL	63
acetic acid (otic)	63	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	51	alogliptin benzoate	16
acetic acid 0.25 %	51	AGAMATRIX CONTROL SOLN	56	alogliptin-metformin hcl	15
acetylcysteine SOLN	40	AIMOVIG	57	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acitretin PO 10 MG, 17.5 MG	43	AIMSCO LUBRICATED MISC	54	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	15
acitretin PO 25 MG	43				
ACTHAR GEL	48				
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	29				
acyclovir CAPS PO	35				

ALOMIDE	63	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG ...	1	
alose tron hcl PO	50	amiodarone hcl TABS PO	9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG	1
alprazolam TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amitriptyline hcl TABS PO	15	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG	1
alprazolam TABS PO 2 MG	8	amlodipine besylate TABS PO	36	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
alprazolam TB24 PO	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO	37	amphotericin b IV	18
alprazolam TBDP PO	8	amlodipine besylate-benazepril hcl PO	21	amphotericin b liposome	18
ALPROLIX	51	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO	21	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	64
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	62	amlodipine besylate-valsartan PO	21	ampicillin CAPS PO 500 MG	64
ALTABAX	41	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide PO	21	ampicillin sodium IJ 1 GM	64
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	51	amoxapine PO	15	anagrelide hcl PO	52
ALUNBRIG TABS PO	28	amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO	64	anastrozole PO	26
ALUNBRIG TBPK	28	amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO	64	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TABS PO	64	ANNOVERA	39
alvimopan PO	50	amoxicillin & pot clavulanate TB12 PO	64	ANORO ELLIPTA	10
amantadine hcl CAPS PO	30	amoxicillin CAPS PO	64	ANZEMET TABS PO 50 MG	18
amantadine hcl SOLN	30	amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG	64	APIDRA SOLN	16
amantadine hcl TABS PO	30	amoxicillin SUSR PO 125 MG/5ML 64	64	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ambrisentan PO	37	amoxicillin SUSR PO 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	64	apomorphine hydrochloride SOCT	30
amcinonide CREA	44	amoxicillin TABS PO	64	apraclonidine hcl	62
amcinonide LOTN	44	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	68	aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG	18
amcinonide OINT	44	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG	1	aprepitant CAPS PO 80 MG	18
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS PO	18
amiloride & hydrochlorothiazide PO 47	47			aprepitant MISC PO	18
amiloride hcl TABS PO	47			APTIOM	12
aminocaproic acid TABS PO	53			APTIVUS CAPS	32
aminophylline SOLN	11				

ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	52	ATGAM	59	azithromycin PACK PO	54
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	52	atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin SOLR	54
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	52	atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin SUSR PO	54
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS PO	20	azithromycin TABS PO 250 MG ...	54
AREXVY	69	atovaquone PO	22	azithromycin TABS PO 500 MG ...	54
arformoterol tartrate	10	atovaquone-proguanil hcl PO	23	azithromycin TABS PO 600 MG ...	54
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 50 MG/5ML ...	62	aztreonam 1 GM	23
aripiprazole SOLN PO	32	ATRIPLA PO (efavirenz- emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate)	32	bacitracin (ophthalmic)	62
aripiprazole TABS PO	32	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	67	bacitracin	22
armodafinil PO	1	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	67	baclofen TABS PO	61
ARMOUR THYROID TABS PO ...	67	ATROVENT HFA	9	balsalazide disodium CAPS PO ...	50
ARNUITY ELLIPTA	10	AUSTEDO TABS	65	BALVERSA	28
arsenic trioxide 10 MG/10ML	29	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	65	BANZEL TABS PO 200 MG (rufinamide)	12
ARZERRA	25	AUSTEDO XR TB24	65	BANZEL TABS PO 400 MG (rufinamide)	12
asenapine maleate 2.5 MG	31	avanafil PO	37	BAVENCIO	26
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	31	AVONEX PEN AJKT	65	BAXDELA SOLR	49
aspirin CHEW PO	5	AVONEX PREFILLED PSKT	65	BAXDELA TABS	49
aspirin TABS PO 325 MG	5	AYVAKIT	27	BELEODAQ	28
aspirin TBEC PO 325 MG	5	azacitidine SUSR	25	BELRAPZO SOLN	24
aspirin TBEC PO 81 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	59	BELSOMRA	53
aspirin-dipyridamole PO	52	azathioprine TABS PO	59	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	21
atazanavir sulfate CAPS PO 150 MG, 300 MG	32	azelaic acid GEL	46	benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	21
atazanavir sulfate CAPS PO 200 MG 32		azelastine hcl (ophth)	63	benazepril hcl PO	20
atenolol & chlorthalidone PO	21	azelastine hcl	61	BENDAMUSTINE HCL SOLN	24
atenolol TABS PO	35	AZELEX	40	bendamustine hcl SOLR	24
				BENDEKA SOLN	24
				BENEFIX KIT	51

BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 40	betamethasone valerate LOTN44	vilanterol)10
BENZEPRO FOAM 5.3 %40	betamethasone valerate OINT44	BREO ELLIPTA 10
benzonatate PO 100 MG40	BETASERON KIT65	BREZTRI AEROSPHERE10
benzonatate PO 150 MG40	betaxolol hcl (ophth) SOLN62	BRILINTA PO52
benzonatate PO 200 MG40	betaxolol hcl PO35	brimonidine tartrate (topical)46
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %41	bethanechol chloride PO 25 MG ..68	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 62
benzoyl peroxide GEL 10 %41	bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG68	brimonidine tartrate-timolol maleate . 62
benzoyl peroxide GEL 5 %41	bexarotene (topical)42	brinzolamide63
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .41	bexarotene PO29	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...12
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 40	bicalutamide PO26	BRIVIACT TABS12
benztropine mesylate SOLN30	BIJUVA49	bromfenac sodium (ophth)63
benztropine mesylate TABS PO ...30	BIKTARVY32	bromocriptine mesylate CAPS PO .30
bepotastine besilate63	bimatoprost SOLN63	bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG30
BESIVANCE62	bisacodyl SUPP PR54	BRUKINSA28
BESPONSA26	bisacodyl TBEC PO54	budesonide (inhalation) SUSP10
betaine PO48	bisoprolol & hydrochlorothiazide PO . 21	budesonide (intrarectal)7
betamethasone dipropionate (topical) CREA44	bisoprolol fumarate PO35	budesonide (nasal)61
betamethasone dipropionate (topical) LOTN44	bleomycin sulfate 15 UNIT27	budesonide CPEP PO39
betamethasone dipropionate (topical) OINT44	BLINCYTO26	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
betamethasone dipropionate augmented CREA44	BOOSTRIX SUSP67	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...47
betamethasone dipropionate augmented LOTN44	BOOSTRIX SUSY67	bumetanide TABS PO47
betamethasone dipropionate augmented OINT44	bortezomib SOLR IJ28	buprenorphine hcl SOLN7
betamethasone valerate CREA ...44	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..28	buprenorphine hcl SUBL7
betamethasone valerate FOAM ...44	bosentan TABS 125 MG37	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7
	bosentan TABS 62.5 MG37	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7
	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 28	
	BOSULIF TABS 400 MG28	
	BRAFTOVI PO 75 MG28	
	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-	

dihydrate SUBL	7	cabergoline PO	49	carbamazepine CP12 PO 200 MG	12
buprenorphine PTWK	7	CABOMETYX TABS PO	28	carbamazepine CP12 PO 300 MG	12
bupropion hcl (smoking deterrent) PO	66	calcipotriene CREA	43	carbamazepine SUSP PO	12
bupropion hcl TABS PO	14	calcipotriene OINT	43	carbamazepine TABS PO	12
bupropion hcl TB12 PO 100 MG ...	14	calcipotriene SOLN	43	carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB12 PO 150 MG ...	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	44	carbamazepine TB12 PO 200 MG	.12
bupropion hcl TB12 PO 200 MG ...	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	44	carbidopa PO	30
bupropion hcl TB24 PO 150 MG ...	14	calcitonin (salmon) NA	48	carbidopa-levodopa TABS PO	30
bupropion hcl TB24 PO 300 MG ...	14	calcitriol (topical)	43	carbidopa-levodopa TBCR PO	30
bupirone hcl PO 5 MG	8	calcitriol CAPS PO	48	carbidopa-levodopa TBDP PO	31
bupirone hcl PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol SOLN IV	48	carbidopa-levodopa-entacapone PO .	30
busulfan SOLN	24	calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO	50	carbinoxamine maleate SOLN PO .	19
butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS PO	50	carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG	19
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG ..	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	58	carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML	24
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG ..	4	calcium polycarbophil TABS PO ..	53	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	24
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG ...	4	CALQUENCE	28	carisoprodol TABS PO	61
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	30	carmustine	24
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil PO	21	carteolol hcl (ophth)	62
butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO	5	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide PO	21	carvedilol phosphate PO	35
butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO	6	capecitabine PO	25	carvedilol PO	35
butenafine hcl	41	CAPRELSA PO	28	caspofungin acetate	18
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	captropril PO 12.5 MG	20	CAYA DPRH	54
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	captropril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG	20	CAYSTON	23
		carbamazepine CHEW PO 100 MG	12	cefaclor CAPS PO	38
		carbamazepine CP12 PO 100 MG	12	cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	38
				cefadroxil CAPS PO	38
				cefadroxil SUSR PO	38

cefadroxil TABS PO	38	chlordiazepoxide hcl CAPS PO	8	cilostazol PO	52
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	38	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide PO	67	CIMDUO	32
cefdinir CAPS PO	38	chlordiazepoxide-amitriptyline PO	65	cimetidine TABS PO	67
cefdinir SUSR PO	38	chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	60	cinacalcet hcl PO	48
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	38	chloroquine phosphate TABS PO 250 MG	23	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	62
cefixime CAPS PO	38	chloroquine phosphate TABS PO 500 MG	23	ciprofloxacin hcl (otic)	63
cefixime SUSR PO	38	chlorpromazine hcl SOLN	32	ciprofloxacin hcl TABS PO	49
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	38	chlorpromazine hcl TABS PO	32	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML	49
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	38	chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG	47	ciprofloxacin SUSR PO	49
cefpodoxime proxetil SUSR PO	38	chlorzoxazone TABS PO 500 MG	61	ciprofloxacin-dexamethasone	63
cefpodoxime proxetil TABS PO	38	chlorzoxazone TABS PO 750 MG	61	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	63
cefprozil SUSR PO	38	CHOLBAM	50	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	24
cefprozil TABS PO	38	cholecalciferol CAPS PO	71	cisplatin SOLN 50 MG/50ML	24
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	38	cholecalciferol TABS PO 10 MCG, 400 UNIT	71	citalopram hydrobromide SOLN PO 14	14
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	38	cholestyramine light PACK PO	20	citalopram hydrobromide TABS PO 10 MG	14
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	38	cholestyramine light POWD PO	20	citalopram hydrobromide TABS PO 20 MG	14
cefuroxime axetil TABS PO	38	cholestyramine PACK PO	20	citalopram hydrobromide TABS PO 40 MG	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG	38	cholestyramine POWD PO	20	cladribine 10 MG/10ML	25
celecoxib PO	3	choline fenofibrate PO	20	clarithromycin SUSR PO	54
cephalexin CAPS PO	38	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 48	48	clarithromycin TABS PO	54
cephalexin SUSR PO	38	ciclopirox GEL	42	clarithromycin TB24 PO	54
CERDELGA	52	ciclopirox olamine CREA	41	CLASSIC PRENATAL TABS PO	60
CEREZYME 400 UNIT	52	ciclopirox olamine SUSP	42	clemastine fumarate SYRP PO	19
cetirizine hcl TABS PO	19	ciclopirox SHAM	42	clemastine fumarate TABS PO 2.68 MG	19
cevimeline hcl PO	60	ciclopirox SOLN	42	CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL LIQD	56
CHEMET PO	17	cidofovir	34		
CHEMSTRIP K STRP	46				
chloramphenicol sodium succinate 22					

CLIMARA PRO	49	clobetasol propionate GEL 0.05 %	44	colchicine w/ probenecid PO	51
clindamycin hcl PO	23	clobetasol propionate OINT 0.05 %	44	colesevelam hcl PACK	20
clindamycin palmitate hydrochloride PO	23	clobetasol propionate SOLN 0.05 %	44	colesevelam hcl TABS PO	20
clindamycin phosphate (topical) FOAM	41	clocortolone pivalate	44	colestipol hcl GRAN PO	20
clindamycin phosphate (topical) GEL 41		clofarabine	25	colestipol hcl PACK PO	20
clindamycin phosphate (topical) LOTN	41	clomipramine hcl PO	15	colestipol hcl TABS PO	20
clindamycin phosphate (topical) SOLN	41	clonazepam TABS PO	11	COMBIVIR PO (lamivudine- zidovudine)	32
clindamycin phosphate (topical) SWAB	41	clonidine hcl (adhd) TB12 PO	1	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	28
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	23	clonidine hcl TABS PO	21	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	28
clindamycin phosphate vaginal CREA	71	clonidine PTWK	21	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	28
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	41	clopidogrel bisulfate PO 300 MG ..	52	COMIRNATY SUSP	69
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	41	clopidogrel bisulfate PO 75 MG ...	52	COMIRNATY SUSY	69
clindamycin phosphate-tretinoin ..	41	clorazepate dipotassium TABS PO .	8	COMPLERA	32
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ..	62	clotrimazole (topical) CREA	42	CONTOUR CONTROL LIQD	56
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	62	clotrimazole (topical) SOLN	42	CONTRAVE PO	1
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	62	clotrimazole	60	COPIKTRA PO	28
clobazam SUSP	11	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	71	CORDRAN TAPE	44
clobazam TABS PO	11	clotrimazole w/ betamethasone CREA	42	CORTISPORIN-TC	63
clobetasol propionate CREA 0.05 %	44	clotrimazole w/ betamethasone LOTN	42	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	43
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	44	clozapine TABS PO	31	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	43
clobetasol propionate FOAM	44	clozapine TBDP PO 100 MG	31	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	43
		clozapine TBDP PO 12.5 MG, 150 MG	31	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	43
		clozapine TBDP PO 25 MG	31	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	43
		COARTEM	23	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	43
		codeine sulfate TABS PO 30 MG ...	5	CREON CPEP PO	47
		CODEINE SULFATE TABS PO	5		
		colchicine TABS PO	51		

CRESEMBA CAPS 186 MG 19	CYRAMZA 25	deferasirox TBSO 17
cromolyn sodium (ophth) 63	CYTAGON CAPS PO 51	deferoxamine mesylate 17
cromolyn sodium NEBU 9	CYSTARAN 63	deflazacort SUSP PO 39
crotamiton LOTN 46	cytarabine SOLN 25	deflazacort TABS PO 39
CVS PRENATAL TABS PO 100 MG- 2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT . 60	dabigatran etexilate mesylate CAPS PO 11	DELSTRIGO 32
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML 52	dacarbazine SOLR 200 MG 29	demeclocycline hcl TABS PO 66
cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG 61	dactinomycin 27	DEPO-ESTRADIOL 49
cyclophosphamide CAPS 24	dalfampridine 65	DEPO-MEDROL SUSP 39
cyclophosphamide SOLR IJ 24	danazol CAPS PO 7	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC 39
cycloserine PO 24	dantrolene sodium CAPS PO 61	DESCOVY 200 MG-25 MG 32
cyclosporine (ophth) EMUL 62	dapagliflozin propanediol PO 17	DESFERAL 500 MG (deferoxamine mesylate) 17
cyclosporine CAPS PO 59	dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG 15	desipramine hcl TABS PO 15
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS PO 59	dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG 15	desloratadine TABS PO 19
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN PO 59	dapsone PO 23	desloratadine TBDP PO 2.5 MG ... 19
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 59	daptomycin 500 MG 22	desmopressin acetate SOLN IJ ... 49
CYLTEZO (2 PEN) AJKT 2	darifenacin hydrobromide PO 68	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 49
CYLTEZO (2 PEN) AJKT 3	darunavir TABS 600 MG 32	desmopressin acetate spray 49
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML 3	darunavir TABS 800 MG 32	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 % 49
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML 3	DARZALEX 26	desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG 49
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT 3	dasatinib 28	desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG 49
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT 3	DAUNORUBICIN HCL SOLN 50 MG/10ML (daunorubicin hcl) 27	desogestrel & ethinyl estradiol PO .38
cyproheptadine hcl SYRP PO 19	daunorubicin hcl SOLN 50 MG/10ML 27	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO 38
cyproheptadine hcl TABS PO 19	DAURISMO 26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO 38
	DEBACTEROL 60	desonide CREA 44
	decitabine 25	desonide LOTN 44
	deferasirox PACK 17	
	deferasirox TABS PO 17	

desonide OINT	44	dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG	1	DIFICID TABS	54
desoximetasone CREA 0.25 %	44	dextrose in lactated ringers	58	diflorasone diacetate CREA	44
desoximetasone GEL	44	DIACOMIT CAPS 250 MG	12	diflorasone diacetate OINT	44
desoximetasone OINT 0.25 %	44	DIACOMIT CAPS 500 MG	12	diflunisal TABS PO	5
desvenlafaxine succinate PO 100 MG	15	DIACOMIT PACK 250 MG	12	difluprednate	62
desvenlafaxine succinate PO 25 MG, 50 MG	15	DIACOMIT PACK 500 MG	12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	36
dexamethasone ELIX PO	39	DIATRUE CONTROL LEVEL 3 SOLN	56	digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	36
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	39	diazepam (anticonvulsant) GEL PR 12		dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	57
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	62	diazepam CONC	8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	57
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	8	DILANTIN INFATABS CHEW PO (phenytoin)	13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	39	diazepam TABS PO	8	DILANTIN PO (phenytoin sodium extended)	13
dexamethasone SOLN PO	39	diazoxide	16	DILANTIN PO	13
dexamethasone TABS PO 0.5 MG, 0.75 MG	39	dichlorphenamide PO	47	DILANTIN SUSP PO (phenytoin) ..	13
dexamethasone TABS PO 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	39	diclofenac epolamine PTCH EX ...	42	DILANTIN-125 SUSP PO (phenytoin)	13
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 19		diclofenac potassium TABS PO 50 MG	3	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG	36
dexlansoprazole PO	68	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	42	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG	36
dexmethylphenidate hcl CP24 PO ..	1	diclofenac sodium (ophth)	63	diltiazem hcl CP12 PO	36
dexmethylphenidate hcl TABS PO ..	1	diclofenac sodium (topical) GEL EX 42		diltiazem hcl CP24 PO	36
dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG	1	diclofenac sodium TB24 PO	4	diltiazem hcl extended release beads PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	36
dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG	1	diclofenac sodium TBEC PO	4	diltiazem hcl extended release beads PO 420 MG	36
dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC PO 4		diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	36
		dicloxacillin sodium PO	64	DILTIAZEM HCL SOLR	36
		dicyclomine hcl CAPS PO	67	diltiazem hcl TABS PO	36
		dicyclomine hcl SOLN PO	67		
		dicyclomine hcl TABS PO	67		
		DIFFERIN LOTN	41		

diltiazem hcl TB24	36	donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG	65	dronabinol CAPS PO	18
dimethyl fumarate CDPK	65	donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG	65	drosiprenone-ethinyl estradiol PO ..	38
dimethyl fumarate CPDR	65	DOPTELET	52	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium PO	38
DIPENTUM PO	50	dorzolamide hcl	63	DROXIA CAPS	52
diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG	19	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	62	DUAVEE	49
diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML	19	DOVATO	32	DULERA	10
diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML	19	doxazosin mesylate PO	21	duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG	15
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19	doxepin hcl (antipruritic)	43	duloxetine hcl CPEP PO 40 MG ...	15
diphenoxylate w/ atropine LIQD PO 17		doxepin hcl (sleep) PO	53	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 45	
diphenoxylate w/ atropine TABS PO . 17		doxepin hcl CAPS PO	15	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	45
dipyridamole PO	52	doxepin hcl CONC PO	15	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 45	
disopyramide phosphate CAPS PO .9		doxercalciferol CAPS PO	48	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 45	
disulfiram PO	65	doxercalciferol SOLN	48	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	45
divalproex sodium TB24 PO	13	doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	27	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	54
divalproex sodium TBEC PO	13	doxorubicin hcl SOLN	27	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	54
docetaxel CONC 20 MG/ML	30	doxorubicin hcl SOLR 10 MG	27	DUREX TROPICAL MISC	54
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	30	doxorubicin hcl SOLR 50 MG	27	dutasteride PO	51
docusate calcium PO	54	doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG	66	dutasteride-tamsulosin hcl PO	51
docusate sodium CAPS PO 100 MG . 54		doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG	66	EASY PLUS II CONTROL SOLN ..	56
docusate sodium CAPS PO 250 MG . 54		doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG	67	EASY STEP CONTROL SOLN ...	56
dofetilide PO	9	doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG	67	EASY TALK CONTROL SOLN ...	56
donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG	65	doxycycline hyclate CAPS PO	67	EASY TALK PLUS II CONTROL SOLN	56
donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG	65	doxycycline hyclate SOLR	67	EASY TRAK CONTROL SOLN ...	56
		doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG	67	econazole nitrate CREA	42
		doxylamine-pyridoxine TBEC PO ..	18	EDARBI PO	21

EDURANT	32	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 57	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11		
efavirenz CAPS PO 200 MG	32	EMGALITY SOAJ	57	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	
efavirenz CAPS PO 50 MG	32	EMGALITY SOSY	57	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	
efavirenz TABS PO	33	EMPLICITI	26	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO	33	EMSAM	14	ENSPRYNG	59	
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	33	emtricitabine CAPS PO	33	entacapone PO	30	
EGRIFTA SV	48	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	33	entecavir TABS PO	35	
ELAPRASE	49	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG	33	EPIDIOLEX	12	
electrolyte-148	58	EMTRIVA CAPS PO (emtricitabine) 33	EMTRIVA SOLN	33	epinastine hcl (ophth)	63
electrolyte-a	58	EMTRIVA SOLN	33	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	71	
ELEMENT CONTROL LIQD	56	EMVERM CHEW PO	8	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	71	
ELESTRIN GEL	49	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG	21	EPIVIR HBV SOLN	35	
eletriptan hydrobromide PO	57	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG	21	EPIVIR HBV TABS PO (lamivudine (hbv))	35	
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	26	enalapril maleate TABS PO	20	EPIVIR SOLN PO (lamivudine) ...	33	
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	26	ENBREL MINI SOCT	4	EPIVIR TABS PO 150 MG (lamivudine)	33	
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	11	ENBREL SOLN	4	EPIVIR TABS PO 300 MG (lamivudine)	33	
ELIQUIS TABS	11	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	eplerenone PO	22	
ELITEK	29	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	52	
ELLA PO	39	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	epoprostenol sodium	37	
ELLIOTTS B	58	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	69	EPZICOM PO (abacavir sulfate- lamivudine)	33	
ELMIRON CAPS PO	51	ENGERIX-B SUSY	69	EQL PRENATAL FORMULA TABS PO	60	
ELOCTATE	51	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11			
EMBRACE GLUCOSE CONTROL LIQD	56	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11			
EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLN	56					
EMCYT PO	26					
EMFLAZA SUSP PO (deflazacort)	39					

EQUETRO PO 100 MG	31	escitalopram oxalate TABS PO 20 MG	14	etravirine PO 100 MG	33
EQUETRO PO 200 MG	31	escitalopram oxalate TABS PO 5 MG	14	etravirine PO 200 MG	33
EQUETRO PO 300 MG	31	esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG	68	EUCRISA	46
ERAXIS	18	esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG	68	EVAMIST SOLN	49
ERBITUX	26	esomeprazole magnesium TBEC	68	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	59
ergocalciferol CAPS PO	71	ESPEROCT	51	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	59
ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	71	estazolam PO	53	everolimus TABS	28
ergoloid mesylates TABS PO	66	estradiol GEL	49	EVOMELA IV	24
ERGOMAR SUBL	57	estradiol PTTW	49	EVOTAZ	33
ergotamine w/ caffeine TABS PO	57	estradiol PTWK	49	exemestane PO	26
eribulin mesylate	30	estradiol TABS PO	49	ezetimibe PO	20
ERIVEDGE	26	estradiol vaginal CREA	71	ezetimibe-simvastatin PO	19
ERLEADA 240 MG	26	estradiol vaginal TABS	71	famciclovir PO 125 MG, 250 MG	35
ERLEADA 60 MG	26	estradiol valerate	49	famciclovir PO 500 MG	35
erlotinib hcl	26	ESTROGEL GEL (estradiol)	49	famotidine in nacl SOLN	67
ERTACZO	42	eszopiclone PO	53	famotidine SOLN 20 MG/2ML	67
ertapenem sodium IJ	22	ethacrynic acid PO	47	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	67
erythromycin (acne aid) PADS	41	ethambutol hcl TABS PO	24	famotidine SUSR PO	67
erythromycin (acne aid) SOLN	41	ethosuximide CAPS PO	13	famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG	67
erythromycin (ophth)	62	ethosuximide SOLN PO	13	FANAPT PO	31
erythromycin base CPEP PO	54	ethynodiol diacet & eth estrad PO	38	FANAPT TITRATION PACK PO	31
erythromycin base TABS PO	54	etodolac CAPS PO	4	FANTASY LUBRICATED MISC	54
erythromycin base TBEC PO	54	etodolac TABS PO	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	54
erythromycin ethylsuccinate SUSR PO	54	etonogestrel-ethinyl estradiol	39	FARXIGA PO (dapagliflozin propanediol)	17
erythromycin ethylsuccinate TABS PO	54	ETOPOPHOS	30	FASENRA PEN SOAJ	9
escitalopram oxalate SOLN PO	14	etoposide CAPS PO	30		
escitalopram oxalate TABS PO 10 MG	14	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	30		

FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRDAPSE	24	fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	44
FC2 FEMALE CONDOM	54	FIRMAGON (240 MG DOSE)	26	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	44
febuxostat	51	FIRMAGON 80 MG	26	fluocinolone acetonide OIL	44
felbamate SUSP	13	flavoxate hcl PO	68	fluocinolone acetonide OINT	44
felbamate TABS PO 400 MG	13	flecainide acetate PO	9	fluocinolone acetonide SOLN	44
felbamate TABS PO 600 MG	13	floxuridine	25	fluocinonide CREA 0.05 %	44
felodipine PO	36	FLUAD	69	fluocinonide CREA 0.1 %	45
FEMCAP DEVI	54	FLUAD QUADRIVALENT	69	fluocinonide emulsified base	44
FEMLYV TBDP	38	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	69	fluocinonide GEL	45
FEMRING	71	FLUARIX SUSY	69	fluocinonide OINT	45
fenofibrate micronized PO 43 MG, 130 MG	20	FLUBLOK QUADRIVALENT	69	fluocinonide SOLN	45
fenofibrate micronized PO 67 MG, 134 MG, 200 MG	20	FLUBLOK SOSY	69	fluorometholone (ophth) SUSP	63
fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	69	fluorouracil (topical) CREA 5 %	42
fenoprofen calcium TABS PO	4	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	69	fluorouracil (topical) SOLN	42
FENSOLVI (6 MONTH) SC	48	FLUCELVAX SUSP	69	fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML	25
fentanyl citrate LPOP	5	FLUCELVAX SUSY	69	fluorouracil 500 MG/10ML	25
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole SUSR PO	19	fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG	14
ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML	53	fluconazole TABS PO	19	fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG	14
ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG	53	flucytosine PO	18	fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG	14
ferrous sulfate TBEC PO	53	fludarabine phosphate SOLN	25	fluoxetine hcl CPDR PO	14
fesoterodine fumarate	68	fludarabine phosphate SOLR	25	fluoxetine hcl SOLN PO	14
FETZIMA CP24	15	fludrocortisone acetate TABS PO	40	fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG	14
FETZIMA TITRATION C4PK	15	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	69	fluoxetine hcl TABS PO 20 MG	14
finasteride PO	51	FLULAVAL SUSY	69	fluphenazine hcl CONC PO	32
fingolimod hcl PO	65	FLUMIST	69	fluphenazine hcl ELIX PO	32
		FLUMIST QUADRIVALENT	69	fluphenazine hcl SOLN	32
		flunisolide (nasal)	61	fluphenazine hcl TABS PO	32
		fluocinolone acetonide (otic)	63		

flurandrenolide CREA	45	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 70	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	56
flurandrenolide LOTN	45	FLUZONE SUSP	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	56
flurazepam hcl PO	53	FLUZONE SUSY	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	56
flurbiprofen sodium	63	FML FORTE SUSP	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	56
flurbiprofen TABS PO	4	FML OINT	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	56
flutamide PO	26	folic acid TABS PO	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	56
fluticasone furoate-vilanterol	10	FOLOTYN 40 MG/2ML	FREESTYLE LIBRE READER	56
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	frovatriptan succinate PO	57
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 61		fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML	FT PRENATAL TABS PO	60
fluticasone propionate CREA 0.05 % 45		FORA CONTROL SOLN	fulvestrant SOSY	26
fluticasone propionate hfa	10	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	47
fluticasone propionate LOTN	45	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	furosemide TABS PO	47
fluticasone propionate OINT	45	FORACARE GDH CONTROL SOLN . 56	FUZEON SOLR	33
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	formoterol fumarate NEBU	FYCOMPA TABS 2 MG	11
fluticasone-salmeterol AERO	10	FORTISCARE CONTROL SOLN ..	FYCOMPA TABS 4 MG	11
fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG . 20		FOSAMAX PLUS D PO	FYCOMPA TABS 6 MG	11
fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG . 20		fosamprenavir calcium TABS PO ..	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
fluvoxamine maleate TABS PO 100 MG	14	fosfomycin tromethamine	gabapentin CAPS PO	12
fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG	14	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO	gabapentin SOLN PO	12
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	69	fosinopril sodium PO	gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG	12
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	69	fosphenytoin sodium	galantamine hydrobromide CP24 PO 65	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 69		FRAGMIN SOSY	galantamine hydrobromide SOLN PO	65
		FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	galantamine hydrobromide TABS PO	65
		FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10	

GM/100ML, 20 GM/200ML	64	65	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	18
GAMMAGARD 30 GM/300ML	64	65	granisetron hcl TABS PO	18
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	64	65	GRANIX SOLN	52
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	64	65	GRANIX SOSY	52
GAMUNEX-C	64	65	GRASTEK SUBL	2
ganciclovir sodium SOLR	34	65	griseofulvin microsize SUSP PO ...	18
ganirelix acetate	48	65	griseofulvin microsize TABS PO ...	19
GARDASIL 9 SUSP	70	65	griseofulvin ultramicrosize PO	19
GARDASIL 9 SUSY	70	65	guanfacine hcl (adhd) PO	1
gatifloxacin (ophth)	62	65	guanfacine hcl PO	21
GAZYVA	26	65	GYNAZOLE-1	71
gefitinib	26	65	HAEGARDA SOLR SC	52
gemcitabine hcl SOLR 1 GM	25	65	HALAVEN (eribulin mesylate)	30
gemcitabine hcl SOLR 2 GM	25	65	halcinonide CREA	45
gemcitabine hcl SOLR 200 MG	25	65	halobetasol propionate CREA	45
gemfibrozil TABS PO	20	65	halobetasol propionate OINT	45
GENOTROPIN CART SC	48	65	HALOG OINT	45
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	48	65	haloperidol decanoate	31
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	65	haloperidol lactate CONC PO	31
gentamicin sulfate (ophth) OINT	62	65	haloperidol lactate SOLN	31
gentamicin sulfate (ophth) SOLN	62	65	haloperidol TABS PO	31
gentamicin sulfate (topical) CREA	41	65	HAVRIX	70
gentamicin sulfate (topical) OINT	41	65	HEMANGEOL SOLN PO	36
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2	65	HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	11
GENVOYA	33	65	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
GILOTRIF	26	65	HEPLISAV-B SOSY	70
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML	65	65	HUMATROPE CART IJ	48
gleostine PO 10 MG	24	65		
gleostine PO 40 MG, 100 MG	24	65		
glipepiride PO 1 MG, 2 MG	17	65		
glipepiride PO 4 MG	17	65		
glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG	17	65		
glipizide TB24 PO	17	65		
glipizide-metformin hcl PO 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	65		
glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG	15	65		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	46	65		
glucagon (rdna)	16	65		
GLUCOCOM CONTROL LIQD	56	65		
glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	65		
glyburide TABS PO	17	65		
glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG	15	65		
glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	65		
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %	51	65		
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML	67	65		
glycopyrrolate TABS PO 1 MG	67	65		
glycopyrrolate TABS PO 2 MG	67	65		
GLYXAMBI PO	15	65		
GNP PRENATAL TABS PO	60	65		
GOHIBIC	52	65		
GOJJI BLOOD KETONE TEST	46	65		

idarubicin hcl 20 MG/20ML	27	INGREZZA CPPK	65	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	30
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	27	INGREZZA CPSP	65	irrigation solutions, physiological ..	59
IDELVION	51	INLYTA	25	ISENTRESS CHEW	33
IFEX SOLR	24	INREBIC	28	ISENTRESS HD TABS PO	33
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24	INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	17	ISENTRESS PACK PO	33
ifosfamide SOLR	24	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN ..	17	ISENTRESS TABS PO	33
IFOSFAMIDE SOLR	24	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 17	17	ISOLYTE-P IN D5W	58
imatinib mesylate PO	28	INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	17	ISOLYTE-S	58
IMBRUVICA CAPS 140 MG	28	INSULIN ASPART SOLN IJ	17	isoniazid SOLN	24
IMBRUVICA CAPS 70 MG	28	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	17	isoniazid SYRP PO	24
IMBRUVICA SUSP	28	INSULIN DEGLUDEC SOLN	17	isoniazid TABS PO	24
IMBRUVICA TABS	28	INTELENCE PO 100 MG (etravirine) ..	33	isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8
IMFINZI	26	INTELENCE PO 200 MG (etravirine) ..	33	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO	37
imipenem-cilastatin IV	22	INTELENCE PO 25 MG	33	isosorbide mononitrate TABS PO ...	8
imipramine hcl TABS PO	15	IONOSOL-MB IN D5W	58	isosorbide mononitrate TB24 PO ...	8
imipramine pamoate PO	15	IOPIDINE	62	isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	41
imiquimod 5 %	45	IPOL	70	isradipine CAPS PO	36
IMLYGIC	30	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 61	61	itraconazole CAPS PO	19
IMPAVIDO	22	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 61	61	itraconazole SOLN	19
INCRELEX	48	ipratropium bromide SOLN 0.02 % ..	9	ivabradine hcl TABS PO	37
INCRUSE ELLIPTA	9	ipratropium-albuterol SOLN	10	ivermectin (pediculicide)	46
indapamide TABS PO 1.25 MG ...	47	irbesartan PO	21	ivermectin PO	8
indapamide TABS PO 2.5 MG	47	irbesartan-hydrochlorothiazide PO	21	IXEMPRA KIT 15 MG	30
indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG	4	irinotecan hcl 300 MG/15ML	30	IXEMPRA KIT 45 MG	30
indomethacin CPCR PO	4			JAKAFI	28
INFED	53			JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	70
INFINITY CONTROL SOLN	56			JANUMET TABS PO	16
INFLECTRA SOLR	50				
INGREZZA CAPS	65				

JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-100 MG	16	JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	16	JANUVIA PO	16	JARDIANCE PO	17	JEVTANA	30	JIVI	51	JULUCA	33	JYNARQUE TBPB	49	KADCYLA	26	KALETRA SOLN PO (lopinavir-ritonavir)	33	KALETRA TABS PO (lopinavir-ritonavir)	33	KALYDECO TABS	66	KAMELEON LUBRICATED MISC ..	55	KANJINTI	26	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	58	KCL-LACTATED RINGERS-D5W ..	58	KEPIVANCE 6.25 MG	29	ketoconazole (topical) CREA	42	ketoconazole (topical) SHAM 2 % ..	42	ketoconazole PO	19	KETONE TEST STRP	46	ketoprofen CAPS PO 50 MG	4	ketorolac tromethamine (ophth) ..	63	ketorolac tromethamine TABS PO ..	4	KETOSTIX STRP	46	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		63	KEVZARA SOAJ	3	KEVZARA SOSY	3	KEYTRUDA	26	KHAPZORY	29	KIMONO COLORS DEVI	55	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	55	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC ..	55	KIMONO MISC	55	KIMONO PLUS MISC	55	KIMONO PS MISC	55	KIMONO PS PLUS MISC	55	KIMONO SENSATION MISC	55	KIMONO SENSATION PLUS MISC ..	55	KIMONO SPECIAL DEVI	55	KINRIX SUSY	67	KISQALI (200 MG DOSE)	28	KISQALI (400 MG DOSE)	28	KISQALI (600 MG DOSE)	28	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) ..	27	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) ..	27	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) ..	27	KOGENATE FS KIT	51	KOSELUGO	28	KOVALTRY	51	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		TABS PO	60	KRINTAFEL	23	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	55	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	55	KYPROLIS	28	labetalol hcl SOLN	35	labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG	35	labetalol hcl TABS PO 300 MG ...	35	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	12	lacosamide TABS PO	12	lactated ringer's (irrigation)	59	lactated ringer's	58	lactic acid (ammonium lactate) CREA	45	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	45	lactulose (encephalopathy) PO	50	lactulose SOLN PO	54	lamivudine (hbv) TABS PO	35	lamivudine SOLN PO	33	lamivudine TABS PO 150 MG	33	lamivudine TABS PO 300 MG	33	lamivudine-zidovudine PO	33	lamotrigine CHEW PO 25 MG	12	lamotrigine CHEW PO 5 MG	12	lamotrigine TABS PO	12	lamotrigine TBPB PO	12	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	36	LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125	
---	----	--	----	------------------	----	--------------------	----	---------------	----	------------	----	--------------	----	---------------------	----	---------------	----	---	----	---	----	---------------------	----	-----------------------------	----	----------------	----	--	----	-----------------------------	----	-------------------------	----	-----------------------------------	----	------------------------------------	----	-----------------------	----	------------------------	----	--------------------------------	---	-----------------------------------	----	-----------------------------------	---	---------------------	----	------------------------------------	--	----	--------------------	---	--------------------	---	----------------	----	----------------	----	--------------------------	----	------------------------------------	----	--------------------------------	----	-------------------	----	------------------------	----	----------------------	----	---------------------------	----	-----------------------------	----	-------------------------------	----	---------------------------	----	-------------------	----	-----------------------------	----	-----------------------------	----	-----------------------------	----	---------------------------------	----	---------------------------------	----	---------------------------------	----	-----------------------	----	----------------	----	----------------	----	---------------------------	--	---------------	----	-----------------	----	--	----	-------------------------------	----	----------------	----	--------------------------	----	--	----	----------------------------------	----	---	----	--------------------------	----	--------------------------------------	----	-------------------------	----	---	----	--	----	------------------------------------	----	-------------------------	----	--------------------------------	----	--------------------------	----	---------------------------------	----	---------------------------------	----	--------------------------------	----	---------------------------------	----	--------------------------------	----	---------------------------	----	---------------------------	----	---------------------------------	----	-------------------------------	--

MCG, 250 MCG (digoxin)	37	12	LEXIVA TABS PO (fosamprenavir calcium)	33	
lansoprazole CPDR PO 15 MG	68	levetiracetam TABS PO 1000 MG .	12	LIBERTY GLUCOSE CONTROL SOLN	56
lansoprazole CPDR PO 30 MG	68	levetiracetam TABS PO 250 MG, 750 MG	12	LIBTAYO	26
lanthanum carbonate CHEW PO ..	50	levetiracetam TABS PO 500 MG ..	12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	54
lapatinib ditosylate	28	levetiracetam TB24 PO	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	60
LASTACRAFT	63	levobunolol hcl 0.5 %	62	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	59
latanoprost SOLN	63	levocetirizine dihydrochloride SOLN PO	19	lidocaine hcl GEL 2 %	46
leflunomide PO	4	levocetirizine dihydrochloride TABS PO	19	lidocaine hcl PRSY	46
LEMTRADA	65	levofloxacin (ophth) 0.5 %	62	lidocaine hcl SOLN	46
lenalidomide PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	59	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 50		lidocaine PTCH 5 %	46
lenalidomide PO 20 MG	59	levofloxacin SOLN PO	50	lidocaine-prilocaine CREA	46
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin TABS PO 250 MG, 750 MG	50	lincomycin hcl	23
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin TABS PO 500 MG ...	50	lindane SHAM	46
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS PO	38	linezolid SUSR	23
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	25	levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG	39	linezolid TABS PO	23
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	25	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO	38	LINZESS	50
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG	38	liothyronine sodium SOLN	67
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO	38	liothyronine sodium TABS PO	67
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO	38	lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO	1
letrozole PO	26	levorphanol tartrate TABS PO 2 MG . 5		lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	
leucovorin calcium SOLR	29	levothyroxine sodium TABS PO ...	67	lisinopril & hydrochlorothiazide PO 21	
leucovorin calcium TABS PO	29	LEXIVA SUSP PO	33	lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20
LEUKERAN PO	24			lithium carbonate CAPS PO	31
LEUKINE SOLR IJ	52			lithium carbonate TABS PO	31
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	26			lithium carbonate TBCR PO	31
levalbuterol hcl	10			lithium PO	31
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10				
levalbuterol tartrate	10				
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML					

LO LOESTRIN FE TABS	38	LUMIZYME	49	meclofenamate sodium CAPS PO ..	4
lofexidine hcl	65	LUMOXITI	26	MEDROL TABS PO	40
LOKELMA	59	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	26	medroxyprogesterone acetate	
loperamide hcl CAPS PO	17	26	(contraceptive) SUSP IM	39
lopinavir-ritonavir SOLN PO	33	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	26	medroxyprogesterone acetate	
lopinavir-ritonavir TABS PO	33	26	(contraceptive) SUSY IM	39
loratadine CAPS PO	19	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	27	medroxyprogesterone acetate PO 10	
loratadine CHEW PO	19	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	27	MG	64
loratadine SOLN PO	19	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	48	medroxyprogesterone acetate PO 2.5	
loratadine TABS PO	19	48		MG, 5 MG	64
loratadine TBP PO	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		mefenamic acid CAPS PO	4
lorazepam CONC PO	8	11.25 MG	48	mefloquine hcl PO	24
lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG	8	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		megestrol acetate (appetite) PO ...	64
lorazepam TABS PO 1 MG	8	30 MG	48	megestrol acetate SUSP PO	27
LORBRENA	28	lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60		megestrol acetate TABS PO	27
losartan potassium &		MG, 120 MG	31	MEKINIST TABS PO 0.5 MG	28
hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100		lurasidone hcl PO 80 MG	31	MEKINIST TABS PO 2 MG	28
MG, 25 MG-100 MG	21	LYNPARZA TABS PO	28	MEKTOVI	28
losartan potassium &		LYSODREN PO	27	meloxicam TABS PO	4
hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50		mafenide acetate PACK	43	melphalan hcl IV	24
MG	21	magnesium sulfate IJ 50 %	58	melphalan PO	24
losartan potassium PO	21	malathion	46	memantine hcl TABS PO	65
LOTEMAX OINT	63	maraviroc TABS PO 150 MG	33	MENACTRA	68
loteprednol etabonate GEL	63	maraviroc TABS PO 300 MG	33	MENEST PO	49
loteprednol etabonate SUSP	63	MARPLAN PO	14	MENOSTAR PTWK	49
lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG		MASONATAL TABS PO	60	MENQUADFI	68
20		MATULANE PO	29	MENVEO SOLR	68
lovastatin TABS PO 40 MG	20	MAXIDEX SUSP OP	63	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML,	
loxapine succinate PO	31	MAXX MISC	55	50 MG/ML, 100 MG/ML	5
lubiprostone PO	50	MAXX PLUS MISC	55	meperidine hcl SOLN PO 50	
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	65	meclizine hcl TABS PO 12.5 MG ..	18	MG/5ML	5
luliconazole	42	meclizine hcl TABS PO 25 MG	18	meperidine hcl TABS PO 50 MG ...	5

meprobamate PO	8	methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG61	methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG	2
mercaptapurine TABS PO	25	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	25	methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG	2
meropenem	22	methotrexate sodium SOLR	25	methylphenidate PTCH	2
mesalamine CP24	50	methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG	25	methylprednisolone acetate SUSP 40	
mesalamine CPDR PO	50	methoxsalen rapid PO	43	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	40
mesalamine ENEM PR	50	methscopolamine bromide PO	67	methylprednisolone TABS PO	40
mesalamine SUPP PR	50	methsuximide	13	methylprednisolone TBPK PO	40
mesalamine TBEC PO 1.2 GM	50	methylidopa TABS PO	21	methyltestosterone TABS	7
mesalamine TBEC PO 800 MG ...	50	methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG	1	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	50
mesna SOLN	29	methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG	1	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	50
MESNEX SOLN (mesna)	30	methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG	1	metoclopramide hcl TABS PO	50
metaxalone PO 800 MG	61	methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG	2	metolazone PO	47
metformin hcl TABS PO 1000 MG .	16	methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG	2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG- 100 MG	21
metformin hcl TABS PO 500 MG ..	16	methylphenidate hcl CP24 PO 2		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG	21
metformin hcl TABS PO 850 MG ..	16	methylphenidate hcl CPCR PO 2		metoprolol succinate TB24 PO 200 MG	35
metformin hcl TB24 PO 500 MG ...	16	methylphenidate hcl SOLN PO 2		metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG	35
metformin hcl TB24 PO 750 MG ...	16	methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	35
methadone hcl CONC PO	5	methylphenidate hcl TABS PO 5 MG 2		metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG	35
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	5	methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) CREA	46
METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 46	
methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	46
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5					
methadone hcl TABS PO 10 MG ...	5				
methadone hcl TABS PO 5 MG	5				
methadone hcl TBSO PO	5				
methamphetamine hcl PO	1				
methazolamide TABS PO	47				
methenamine hippurate PO	23				
methimazole TABS PO	67				

metronidazole (topical) LOTN 46	70	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 62
metronidazole TABS PO22	MODERNA COVID-19 VAC	moxifloxacin hcl in sodium chloride
metronidazole vaginal71	(BOOSTER) SUSP 70	50
mexiletine hcl PO9	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y	moxifloxacin hcl TABS PO50
micafungin sodium 18	SUSP70	MULPLETA52
miconazole nitrate vaginal SUPP 200	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y	MULTI PRENATAL TABS PO 60
MG 71	SUSY70	mupirocin OINT 41
midodrine hcl PO71	MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y	MVASI25
miglitol PO15	SUSP70	MYALEPT 49
miglustat52	MODERNA COVID-19 VACCINE	mycophenolate mofetil CAPS PO . 59
minocycline hcl CAPS PO 67	SUSP70	mycophenolate mofetil TABS PO .59
minocycline hcl TABS PO67	moexipril hcl PO20	mycophenolate sodium PO59
minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG 22	mometasone furoate (nasal) SUSP	MYLERAN TABS PO 24
MIRCERA 52	61	nabumetone PO4
mirtazapine TABS PO 15 MG13	mometasone furoate CREA 45	nadolol TABS PO 20 MG 36
mirtazapine TABS PO 30 MG13	mometasone furoate OINT 45	nadolol TABS PO 40 MG 36
mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45	mometasone furoate SOLN 45	nadolol TABS PO 80 MG 36
MG 13	montelukast sodium CHEW PO9	nafcillin sodium IV 10 GM64
mirtazapine TBDP PO 15 MG 14	montelukast sodium PACK PO9	naftifine hcl CREA 1 % 42
mirtazapine TBDP PO 30 MG 14	montelukast sodium TABS PO9	naftifine hcl CREA 2 % 42
mirtazapine TBDP PO 45 MG 14	morphine sulfate CP24 PO 10 MG,	nalbuphine hcl7
misoprostol PO68	20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80	naloxone hcl LIQD 18
mitomycin SOLR IV 20 MG27	MG, 100 MG5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ...27	morphine sulfate SOLN IJ 0.5	MG/10ML18
M-M-R II SOLR70	MG/ML, 1 MG/ML 5	naltrexone hcl PO18
M-NATAL PLUS TABS PO 60	morphine sulfate SOLN PO 10	naproxen sodium TABS PO 550 MG .
modafinil PO 100 MG 2	MG/5ML 6	4
modafinil PO 200 MG 2	morphine sulfate SOLN PO 20	naproxen SUSP PO4
MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y	MG/5ML 5	naproxen TABS PO 4
.....70	morphine sulfate TABS PO 15 MG . 6	naproxen TBEC PO 500 MG4
MODERNA COVID-19 BIVALENT	morphine sulfate TABS PO 30 MG . 6	naratriptan hcl PO57
	morphine sulfate TBCR PO6	
	MOTOFEN PO17	
	MOVANTIK PO 50	

NATACYN	62	nevirapine SUSP PO	33	nilutamide PO	27
NATAZIA	38	nevirapine TABS PO	33	nimodipine CAPS PO	36
nateglinide PO	17	nevirapine TB24 PO 100 MG	33	NINLARO	28
NAYZILAM	12	nevirapine TB24 PO 400 MG	33	NIPENT	29
nebivolol hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	35	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	68	nisoldipine PO	36
nebivolol hcl PO 20 MG	35	NEXTSTELLIS	38	nitazoxanide TABS PO	22
NEBUSAL NEBU	40	niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO 20		nitisinone CAPS PO	49
nefazodone hcl PO	15	niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG 71		NITRO-BID OINT	8
nelarabine	25	NIACIN ER TBCR PO	71	nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG	23
neomycin sulfate TABS PO	2	niacin TABS PO	71	nitrofurantoin monohyd macro PO .	23
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	62	niacin TBCR PO	71	nitrofurantoin PO	23
neomycin-polymy-dexameth OINT	63	niacinamide TABS PO 100 MG ...	71	nitroglycerin (intra-anal) PR	8
neomycin-polymy-dexameth SUSP	63	niacinamide TABS PO 500 MG ...	71	nitroglycerin CPCR PO	8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	63	nicardipine hcl CAPS PO	36	nitroglycerin PT24	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	63	nicardipine hcl SOLN	36	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	63	NICOTINE KIT	66	nitroglycerin SUBL	8
NEONATAL COMPLETE TABS PO		nicotine polacrilex GUM	66	NIVA-PLUS TABS PO	60
120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-		nicotine polacrilex LOZG	66	nizatidine CAPS PO	67
10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	48
MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-		MG/24HR, 21 MG/24HR	66	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG ...	60	NICOTROL INHA	66	MG/1.5ML	48
NEONATAL PLUS TABS PO	60	NICOTROL NS SOLN	66	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	39
NEONATAL PRENATAL TABS PO	60	nifedipine CAPS PO 10 MG	36	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	38
NEONATAL VITAMIN TABS PO ..	60	nifedipine CAPS PO 20 MG	36	norethin acet & estrad-fe CHEW PO .	38
neostigmine methylsulfate SOSY ..	24	nifedipine TB24 PO 30 MG	36	norethin acet & estrad-fe TABS PO 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
NEO-SYNALAR	41	nifedipine TB24 PO 60 MG	36	MCG-75 MG	39
NEUPRO	31	nifedipine TB24 PO 90 MG	36	norethindrone & eth estradiol PO ..	39
NEVANAC	63	nifedipine TB24 PO	36		

norethindrone & ethinyl estradiol-fe PO	39	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	17	olanzapine SOLR	32
norethindrone (contraceptive) PO	39	NOVOLIN 70/30 SUSP	17	olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG	32
norethindrone acet & eth estra TABS PO	39	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	17	olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	32
norethindrone acetate TABS PO	64	NOVOLIN N SUSP	17	olanzapine TADP PO 20 MG	32
norethindrone acetate-ethinyl estradiol PO	49	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	17	olanzapine TADP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG	32
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe PO	39	NOVOLIN R SOLN IJ	17	olmesartan medoxomil PO	21
norethindrone-eth estradiol (triphasic) PO	39	NP THYROID TABS PO	67	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide PO	21
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) PO	39	NUBEQA	27	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide PO	22
norgestimate-ethinyl estradiol PO	39	NUCALA SOAJ	9	olopatadine hcl (nasal)	61
norgestrel & ethinyl estradiol PO	30	NUCALA SOLR	9	olopatadine hcl 0.1 %	63
MCG-0.3 MG	39	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olopatadine hcl 0.2 %	63
NORMOSOL-M IN D5W	58	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	omega-3-acid ethyl esters PO	20
NORMOSOL-R PH 7.4	58	NUEDEXTA	66	omeprazole CPDR PO	68
nortriptyline hcl CAPS PO	15	NULOJIX	59	omeprazole magnesium CPDR PO	68
nortriptyline hcl SOLN PO	15	nystatin (mouth-throat)	60	omeprazole TBEC PO	68
NORVIR CAPS PO	33	nystatin (topical) CREA	42	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG	68
NORVIR PACK	33	nystatin (topical) OINT	42	OMNIFLEX DIAPHRAGM	55
NORVIR SOLN	33	nystatin (topical) POWD EX	42	ONCASPAR	29
NORVIR TABS PO (ritonavir)	33	nystatin TABS PO	19	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	18
NOVA MAX PLUS KETONE TEST 46		nystatin-triamcinolone CREA	42	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	18
NOVAREL IM 10000 UNIT	48	nystatin-triamcinolone OINT	42	ondansetron hcl SOSY	18
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	70	NYVEPRIA	52	ondansetron hcl TABS PO 24 MG	18
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	70	octreotide acetate SOLN	49	ondansetron hcl TABS PO 4 MG	18
NOVOEIGHT	51	ODEFSEY	33	ondansetron hcl TABS PO 8 MG	18
		ODOMZO PO	26		
		OFEV	66		
		ofloxacin (ophth)	62		
		ofloxacin (otic)	63		
		ofloxacin PO 300 MG, 400 MG	50		
		OGIVRI	26		

ondansetron TBDP PO 4 MG18	oxazepam CAPS PO8	30
ondansetron TBDP PO 8 MG18	oxcarbazepine SUSP PO12	paclitaxel protein-bound particles .30
ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO60	oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG12	paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG 31
ONE VITE WOMENS TABS PO ...60	oxcarbazepine TABS PO 600 MG .12	paliperidone PO 6 MG 31
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING56	oxiconazole nitrate CREA 42	palonosetron hcl SOLN 18
ONETOUCH VERIO LIQD56	OXISTAT LOTN 42	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 48
ONIVYDE30	oxybutynin chloride SOLN 68	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 48
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML26	oxybutynin chloride TABS PO 5 MG . 68	PANRETIN 42
OPILL PO39	oxybutynin chloride TB24 PO68	pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG 68
OPSUMIT37	oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG 6	pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG 68
ORENITRAM TBCR 37	oxycodone hcl TABA PO 5 MG, 15 MG, 30 MG6	paricalcitol CAPS PO 49
ORGOVYX 27	oxycodone hcl TABS PO6	paricalcitol SOLN 49
ORLISSA 48	oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	paroxetine hcl SUSP PO14
ORKAMBI PACK66	oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG7	paroxetine hcl TABS PO 10 MG ...14
ORKAMBI TABS66	OXYCONTIN T12A PO6	paroxetine hcl TABS PO 20 MG ...14
ORLADEYO52	oxymorphone hcl TABS PO6	paroxetine hcl TABS PO 30 MG ...14
orphenadrine citrate TB12 PO61	oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG .6	paroxetine hcl TABS PO 40 MG ...14
oseltamivir phosphate CAPS PO ..35	oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG . 14
oseltamivir phosphate SUSR PO ..35	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN 16	paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG 14
OSMOPREP PO54	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML16	pazopanib hcl 28
OSPHENA PO48	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...16	pediatric multivitamins w/fl CHEW PO60
OTEZLA TABS PO4	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML30	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO 53
OTEZLA TBPK PO4	paclitaxel 30 MG/5ML, 300 MG/50ML.	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM 53
oxacillin sodium IV 10 GM64		
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML24		
oxandrolone PO7		
oxaprozin TABS PO4		

peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO 54	PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-1170	pimecrolimus 46
PEGASYS SOLN 35	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 70	pimozide PO 66
PEGASYS SOSY 35	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP70	pindolol TABS PO36
PEMAZYRE28	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP70	pioglitazone hcl PO 17
pemetrexed disodium SOLR 100 MG 25	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP 70	pioglitazone hcl-glimepiride 16
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 25	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP 70	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO16
peniclovir43	PHEBURANE PLLT49	piperacillin sodium-tazobactam sodium64
penicillamine CAPS PO59	phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG 51	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .28
penicillamine TABS PO59	phendimetrazine tartrate TABS PO .1	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .28
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .64	phenelzine sulfate PO 14	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .28
penicillin g potassium 5000000 UNIT 64	phenobarbital ELIX PO 53	pirfenidone CAPS66
PENICILLIN G PROCAINE 64	phenobarbital TABS PO 53	pirfenidone TABS PO 534 MG66
penicillin g sodium64	phenoxybenzamine hcl PO21	piroxicam CAPS PO 4
penicillin v potassium SOLR PO ...64	phentermine hcl CAPS PO1	PLASMA-LYTE 148 (electrolyte-148)58
penicillin v potassium TABS PO ...64	phenytoin CHEW PO 13	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..58
pentazocine w/ naloxone hcl PO7	phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG 13	PLEGRIDY SOAJ65
pentoxifylline PO52	phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY SOSY SC 65
perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG20	phenytoin SUSP PO 13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 65
perindopril erbumine PO 4 MG 20	PHEXXI71	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC65
PERJETA26	PHOTOFRIN 29	plerixafor 53
permethrin CREA 46	PIFELTRO34	PNEUMOVAX 23 SOLN68
permethrin LIQD EX 46	pilocarpine hcl (oral) PO 60	PNEUMOVAX 23 SOSY68
perphenazine TABS PO 32	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 62	podofilox SOLN 46
perphenazine-amitriptyline PO 65		polymyxin b sulfate SOLR 23
PERSERIS PRSY31		polymyxin b-trimethoprim 62
PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR 62		POMALYST 27
		PORTRAZZA26

posaconazole SUSP	19	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	41	pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG	13
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 58		pralatrexate	25	pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	12
potassium bicarbonate TBEF PO ..	58	pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG	31	pregabalin SOLN	13
potassium chloride CPCR PO	58	pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	31	PREHEVBRIO	70
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	58	prasugrel hcl PO	52	PREMARIN	71
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	58	pravastatin sodium PO	20	PREMARIN SOLR	49
POTASSIUM CHLORIDE IN NAACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	58	praziquantel PO	8	PREMARIN TABS PO	49
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %	58	prazosin hcl CAPS PO	21	PREMPHASE PO	49
potassium chloride microencapsulated crystals er PO ..	58	PRECISION XTRA KETONE	46	PREMPRO PO	49
potassium chloride PACK PO 20 MEQ	59	PRED MILD	63	PRENATAL ONE DAILY TABS PO	60
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 59		prednicarbate OINT	45	PRENATAL PLUS TABS PO	60
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	59	prednisolone acetate (ophth)	63	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO	60
potassium chloride TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	59	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	63	PRENATAL TABS PO	61
potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO	51	prednisolone sodium phosphate SOLN PO 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	40	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS PO	60
potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	58	prednisolone sodium phosphate TBDP PO	40	PRENATAL VITAMIN TABS PO ..	61
POTELIGEO	26	prednisolone SOLN	40	PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG- 2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	60
Index 27		prednisone SOLN PO	40	PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	61
		prednisone TABS PO 1 MG, 5 MG	40	PRENATRIX TABS PO	61
		pregabalin (once-daily) 330 MG ...	66	PRENATRYL TABS PO	61
		pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	66		

PREVNAR 13	68	PROLEUKIN	29	QINLOCK	28
PREVNAR 20	68	PROLIA SOSY	48	QUADRACEL SUSP	67
PREZCOBIX	34	PROMACTA PACK	53	QUADRACEL SUSY	67
PREZISTA SUSP	34	PROMACTA TABS PO	53	quetiapine fumarate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	32
PREZISTA TABS (darunavir)	34	promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML	19	quetiapine fumarate TABS PO 300 MG, 400 MG	32
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	34	promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG, 25 MG	19	quetiapine fumarate TB24 PO 300 MG, 400 MG	32
PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	34	promethazine hcl SUPP PR 50 MG 19		quetiapine fumarate TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG	32
PRIFTIN PO	24	promethazine hcl TABS PO	19	quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG ...	20
primaquine phosphate TABS PO ..	24	propafenone hcl CP12 PO	9	quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG	20
primidone PO 50 MG, 250 MG	13	propafenone hcl TABS PO	9	quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG	22
PRIORIX SUSR	70	proparacaine hcl	62	quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG	22
probenecid PO	51	propranolol hcl CP24 PO	36	quinapril-hydrochlorothiazide PO 25 MG-20 MG	22
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9		propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	36	quinidine sulfate TABS PO	9
prochlorperazine maleate TABS PO . 32		propranolol hcl TABS PO	36	quinine sulfate CAPS PO 324 MG .	24
prochlorperazine PR	32	propylthiouracil PO	67	QVAR REDHALER	10
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	52	PROQUAD SUSR	70	RA PRENATAL FORMULA TABS PO	61
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	53	protriptyline hcl PO	15	RA PRENATAL TABS PO	61
PROCRIT 40000 UNIT/ML	52	PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10	rabeprazole sodium TBEC PO	68
PRODIGY CONTROL SOLUTION SOLN	56	PULMOZYME	66	raloxifene hcl PO	48
progesterone CAPS PO	64	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	61	ramelteon PO	53
PROGRAF PACK	59	pyrazinamide PO	24	ramipril CAPS PO	21
PROGRAF SOLN	59	pyridostigmine bromide SOLN PO .	24	ranolazine TB12 PO 1000 MG	8
PROLASTIN-C SOLN	66	pyridostigmine bromide TABS PO 60 MG	24	ranolazine TB12 PO 500 MG	8
PROLASTIN-C SOLR	66	pyridostigmine bromide TBCR PO .	24	rasagiline mesylate PO	31
		pyrimethamine PO	24	REALITY LATEX CONDOMS MISC .	
		QC PRENATAL TABS PO	61		

55	34	risperidone TABS PO31
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI55	REXULTI 32	risperidone TBDP PO31
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 55	REYATAZ CAPS PO 200 MG (atazanavir sulfate)34	ritonavir TABS PO 34
REBIF REBIDOSE SOAJ66	REYATAZ CAPS PO 300 MG (atazanavir sulfate)34	rivastigmine tartrate CAPS PO 65
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ66	REYATAZ PACK34	rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG57
REBIF SOSY66	REZVOGLAR KWIKPEN17	rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG . 57
REBIF TITRATION PACK SOSY ..66	ribavirin (hepatitis c) CAPS PO ...35	rizatriptan benzoate TBDP PO 10 MG 57
RECOMBIVAX HB SUSP70	ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200 MG 35	rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG . 57
RECOMBIVAX HB SUSY70	RIDAURA PO3	roflumilast PO 9
REGRANEX46	rifabutin PO 24	romidepsin SOLR29
RELENZA DISKHALER35	rifampin CAPS PO24	ropinirole hydrochloride TABS PO .31
RELION KETONE TEST STRP ... 46	rifampin SOLR 24	ropinirole hydrochloride TB24 PO 2 MG, 4 MG, 6 MG31
RELION LANCET DEVICES 30G .56	RIGHTEST GC300 CONTROL LIQD 56	ropinirole hydrochloride TB24 PO 8 MG, 12 MG31
RELION LANCETS56	riluzole TABS PO 61	rosuvastatin calcium TABS PO20
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP 46	rimantadine hydrochloride TABS PO . 35	ROTARIX SUSP70
RENFLEXIS50	ringer's58	ROTARIX SUSR PO70
repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG 17	ringer's irrigation59	ROTATEQ SOLN PO70
repaglinide PO 2 MG17	RINVOQ LQ SOLN2	ROXYBOND TABA PO 10 MG 6
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT20	RINVOQ TB24 PO 2	ROXYBOND TABA PO 5 MG, 15 MG, 30 MG6
REPATHA SOSY 20	risedronate sodium TABS PO 150 MG 48	ROZLYTREK CAPS 29
REPATHA SURECLICK SOAJ20	risedronate sodium TABS PO 35 MG 48	RUBRACA29
RETACRIT 53	risedronate sodium TABS PO 5 MG, 30 MG48	rufinamide SUSP13
RETEVMO CAPS29	risedronate sodium TBEC PO48	rufinamide TABS PO 200 MG 13
RETROVIR CAPS PO (zidovudine) 34	risperidone microspheres31	rufinamide TABS PO 400 MG 13
RETROVIR SOLN 34	risperidone SOLN PO31	RUKOBIA 34
RETROVIR SYRP PO (zidovudine)		

RUXIENCE	26	sertraline hcl CONC PO	14	61
RYBELSUS TABS PO	16	sertraline hcl TABS PO 100 MG ...	15	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)
salsalate PO	5	sertraline hcl TABS PO 25 MG, 50		58
SANTYL OINT	45	MG	14	sodium acetate SOLN
sapropterin dihydrochloride PACK	49	sevelamer carbonate PACK	50	58
sapropterin dihydrochloride TABS	49	sevelamer carbonate TABS PO ...	50	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %
SAVELLA TABS PO	65	SHINGRIX	70	51
SAVELLA TITRATION PACK MISC		SHUR-SEAL CONTRACEPTIVE		sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %
65		GEL	71	40
saxagliptin hcl PO	16	SIGNIFOR	49	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %
saxagliptin-metformin hcl PO 1000		sildenafil citrate (pulmonary		%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %
MG-2.5 MG	16	hypertension) SOLN	37	59
saxagliptin-metformin hcl PO 1000		sildenafil citrate (pulmonary		sodium citrate & citric acid PO
MG-5 MG, 500 MG-5 MG	16	hypertension) SUSR	37	51
SCSEMBLIX 100 MG	29	sildenafil citrate (pulmonary		sodium fluoride CHEW PO
SCSEMBLIX 20 MG, 40 MG	29	hypertension) TABS PO	37	58
scopolamine	18	sildenafil citrate PO	37	sodium phenylbutyrate POWD PO
SELECT INSULIN SYRINGES ...	57	silodosin PO	51	49
SELECT LANCETS	56	silver sulfadiazine	43	sodium phenylbutyrate TABS PO .
selegiline hcl CAPS PO	31	SIMPONI ARIA SOLN	3	49
selegiline hcl TABS PO	31	SIMULECT	59	sodium polystyrene sulfonate POWD
selenium sulfide LOTN 2.5 %	43	simvastatin TABS PO	20	PO
SELZENTRY SOLN	34	sirolimus TABS PO	59	59
SELZENTRY TABS PO (maraviroc)	34	SIRTURO	24	sodium polystyrene sulfonate SUSP
		SIVEXTRO TABS	23	CO 15 GM/60ML
		SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT ..	43	59
SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75		SKYRIZI PEN SOAJ	43	sodium sulfate-potassium sulfate-
MG, 150 MG	34	SKYRIZI SOCT	50	magnesium sulfate
SELZENTRY TABS PO 300 MG		SKYRIZI SOLN	50	54
(maraviroc)	34	SKYRIZI SOSY	43	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS
SEMGLEE (YFGN) SOLN	17	SLYND PO	39	35
SEMGLEE (YFGN) SOPN	17	SM PRENATAL VITAMINS TABS PO		
SEREVENT DISKUS	10			

SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	51	SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate SOAJ	57
sotalol hcl (afib/afI) PO	36	SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	6	sumatriptan succinate SOCT	57
sotalol hcl TABS PO 240 MG	36	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	57
sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG	36	sucralfate SUSP PO	67	sumatriptan succinate TABS PO ..	57
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	70	sucralfate TABS PO	67	sumatriptan-naproxen sodium PO .57	
SPIKEVAX SUSP	70	sulconazole nitrate CREA	42	sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	29
SPIKEVAX SUSY	71	sulconazole nitrate SOLN	42	sunitinib malate PO 37.5 MG	29
spinosad	46	sulfacetamide sodium (acne)	41	SUNLENCA TBPK 300 MG	34
SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 62		SUNOSI PO 150 MG	1
spironolactone & hydrochlorothiazide PO	47	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	41	SUNOSI PO 75 MG	1
spironolactone TABS PO	47	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	41	SURESTEP PRO HIGH GLUCOSE LIQD	56
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	41	SUSTIVA CAPS PO 200 MG (efavirenz)	34
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	41	SUSTIVA CAPS PO 50 MG (efavirenz)	34
SPRYCEL (dasatinib)	29	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	41	SYMFI (efavirenz-lamivudine- tenofovir disoproxil fumarate)	34
stannous fluoride CONC	60	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	63	SYMFI LO (efavirenz-lamivudine- tenofovir disoproxil fumarate)	34
stavudine CAPS PO	34	sulfadiazine TABS PO	66	SYMTUZA	34
STELARA 130 MG/26ML	50	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22	SYNAREL	48
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	43	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO	22	SYNERA PTCH	46
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	43	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO	22	SYNJARDY TABS	16
STELARA SOSY 90 MG/ML	43	SULFAMYLON CREA	43	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	16
STENDRA PO 50 MG, 100 MG, 200 MG (avanafil)	37	sulfasalazine TABS PO	50	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	16
STIOLTO RESPIMAT	10	sulfasalazine TBEC PO	50	SYNRIBO	29
STIVARGA	29	sulindac TABS PO	4	SYNTHROID TABS PO (levothyroxine sodium)	67
STRENSIQ	49	sumatriptan	57		
streptomycin sulfate SOLR	2				
STRIBILD	34				
STRIVERDI RESPIMAT	10				

TABLOID PO	25	telmisartan-hydrochlorothiazide PO 22	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	51
TABRECTA	29	temazepam PO 15 MG, 30 MG ...	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	51
tacrolimus (topical) OINT	46	temazepam PO 7.5 MG, 22.5 MG .	thioridazine hcl PO	32
tacrolimus CAPS PO	59	TEMODAR SOLR	thiotepa 100 MG	25
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS PO	37	temozolomide CAPS PO	thiotepa 15 MG	25
tadalafil PO 5 MG	37	temsirolimus	thiothixene PO	32
TAFINLAR CAPS PO	29	tenofovir disoproxil fumarate TABS PO	THYMOGLOBULIN	59
tafluprost	63	TEPADINA 100 MG (thiotepa)	THYROGEN 0.9 MG	46
TAGRISSO 40 MG	26	terazosin hcl PO	tiagabine hcl PO	13
TAGRISSO 80 MG	26	terbinafine hcl TABS PO	TIBSOVO	29
TAKHZYRO SOLN	52	terbutaline sulfate SOLN	TICE BCG	29
TAKHZYRO SOSY	52	terbutaline sulfate TABS PO	tigecycline	66
TALZENNA	29	terconazole vaginal CREA	timolol maleate (ophth) SOLG	62
tamoxifen citrate TABS PO	27	terconazole vaginal SUPP	timolol maleate (ophth) SOLN	62
tamsulosin hcl PO	51	teriflunomide PO	timolol maleate TABS PO	36
TASIGNA 150 MG, 200 MG	29	teriparatide SOPN	tiopronin TBEC 100 MG	51
TASIGNA 50 MG	29	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	tiopronin TBEC 300 MG	51
TASMAR PO (tolcapone)	30	testosterone cypionate SOLN IM ...	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
tavorole	42	testosterone enanthate SOLN IM ...	TIVICAY PD TBSO	34
TAVALISSE	52	tetrabenazine PO	TIVICAY TABS	34
tazarotene CREA 0.1 %	43	tetracycline hcl CAPS PO	tizanidine hcl CAPS PO	61
TAZVERIK	29	THALOMID PO	tizanidine hcl TABS PO	61
TECENTRIQ 1200 MG/20ML	26	theophylline ELIX PO	tobramycin (ophth) SOLN	62
TEFLARO	38	theophylline SOLN PO	tobramycin NEBU	2
TEGRETOL SUSP PO (carbamazepine)	13	theophylline TB12 PO	tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .	2
TEGRETOL TABS PO (carbamazepine)	13	theophylline TB24 PO	tobramycin-dexamethasone SUSP 63	
telmisartan PO	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	TODAY SPONGE MISC	71
telmisartan-amlodipine PO	22			

tolcapone PO	30	tranexamic acid TABS PO	53	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	45
tolmetin sodium CAPS PO	4	tranylcypromine sulfate PO	14	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	45
tolmetin sodium TABS PO 600 MG .4		travoprost SOLN	63	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	45
TOLSURA CAPS PO	19	TRAZIMERA	26	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	40
tolterodine tartrate CP24 PO	68	trazodone hcl TABS PO	15	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG	47
tolterodine tartrate TABS PO	68	TRECTOR PO	24	triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO	47
tolvaptan TABS	49	TRELEGY ELLIPTA	11	triamterene CAPS PO	47
topiramate CPSP PO 15 MG	13	TRELSTAR MIXJECT	27	triazolam PO	53
topiramate CPSP PO 25 MG	13	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	43	TRICARE TABS PO	61
topiramate CS24 PO	13	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML ...	43	trientine hcl PO 250 MG	59
topiramate TABS PO 200 MG	13	TREMFYA SOLN	43	trifluoperazine hcl TABS PO	32
topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML ...	43	trifluridine	62
topiramate TABS PO 50 MG	13	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	43	trihexyphenidyl hcl SOLN	30
topotecan hcl SOLN	30	treprostinil SOLN IJ	37	trihexyphenidyl hcl TABS PO	30
TOPOTECAN HCL SOLN	30	tretinoin (chemotherapy) PO	29	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .16	
topotecan hcl SOLR	30	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	41	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	16
toremifene citrate PO	27	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % ...	41	TRIKAFTA TBPK	66
toremifene citrate PO	27	tretinoin microsphere 0.1 %	41	trimethobenzamide hcl CAPS PO .18	
torsemide TABS PO	47	TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	25	trimethoprim TABS PO	22
TRACLEER TBSO	37	triamcinolone acetonide (mouth) ..	60	trimipramine maleate CAPS PO ...15	
tramadol hcl TABS PO 50 MG	6	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	61	TRINTELLIX PO	15
tramadol hcl TB24 PO	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	45	TRIUMEQ PD TBSO	34
tramadol-acetaminophen PO	7	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	45	TRIUMEQ TABS	34
trandolapril PO 1 MG, 2 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	45	TRIZIVIR PO	34
trandolapril PO 4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	45	TROJAN MAGNUM MISC	55
trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	22				
trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	22				
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	53				

TROJAN ULTRA THIN MISC	55	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	55	UVADEX	29
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	55	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .	55	valacyclovir hcl PO 1 GM	35
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	55	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	55	valacyclovir hcl PO 500 MG	35
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .	55	TRUVADA PO (emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate)	34	valganciclovir hcl TABS PO	34
tropicamide SOLN 0.5 %	62	TRUXIMA	26	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13
tropicamide SOLN 1 %	62	TUKYSA	26	valproic acid CAPS PO	13
tropium chloride CP24 PO	68	TURALIO PO	29	valrubicin	27
tropium chloride TABS PO	68	TUZISTRA XR PO	40	valsartan TABS PO	21
TRUE COVER DEVI	55	TWINRIX SUSY	71	valsartan-hydrochlorothiazide PO .	22
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	46	TWIRLA	39	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	56	TYBLUME CHEW	39	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	12
TRULICITY	16	TYBOST	34	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	12
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	55	TYMLOS	48	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	55	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	37	vancomycin hcl CAPS PO	22
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	55	TYVASO SOLN IN	37	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG	23
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	55	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	37	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	23
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	55	UBRELVY PO	57	VAQTA	71
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	55	UDENYCA ONBODY SOSY	53	varenicline tartrate TABS PO	66
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	55	UDENYCA SOAJ	53	varenicline tartrate TBPK	66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	55	UDENYCA SOSY	53	VARIVAX SUSR	71
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	55	UNISTRIP CONTROL SOLN	56	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO .	18
		UPTRAVI TABS 200 MCG	37	VAXNEUVANCE	69
		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	37	VECAMYL PO	22
		UPTRAVI TITRATION TBPK	37	VECTIBIX 100 MG/5ML	26
		ursodiol CAPS PO	50	VECTIBIX 400 MG/20ML	26
		ursodiol TABS PO	50	VELPHORO	50
				venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG .	15

venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG 15	VISTOGARD 18	XELJANZ SOLN 2
venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG .. 15	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT 71	XELJANZ TABS 10 MG 2
venlafaxine hcl TABS PO 15	VITATHELY WITH GINGER TABS PO 61	XELJANZ TABS 5 MG 2
venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG . 15	VITRAKVI CAPS PO 29	XELJANZ XR TB24 PO 2
venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG 15	VITRAKVI SOLN 29	XEOMIN 62
VENOFER 53	VIVIMUSTA SOLN 25	XGEVA SOLN 48
verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG 36	VIZIMPRO 26	XHANCE EXHU 61
verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG 36	VORAXAZE 30	XIFAXAN PO 200 MG 22
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ... 36	voriconazole TABS PO 19	XIFAXAN PO 550 MG 22
verapamil hcl TABS PO 36	VOSEVI 35	XIGDUO XR PO (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) 16
verapamil hcl TBCR PO 36	VYNDAMAX 37	XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG ... 16
VEREGEN 41	VYNDALIN 37	XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG 16
VERZENIO 29	VYXEOS 28	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML 9
VICTOZA (liraglutide) 16	warfarin sodium TABS PO 11	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML 9
vigabatrin PACK 13	water for irrigation, sterile 59	XOLAIR SOLR 9
vigabatrin TABS 13	WESTAB PLUS TABS PO 61	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML 9
VIIBRYD STARTER PACK KIT PO 15	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60 55	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML 9
vilazodone hcl TABS 15	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65 55	XOSPATA 29
vincristine sulfate 30	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70 55	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG 27
vinorelbine tartrate 10 MG/ML 30	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75 55	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG 27
vinorelbine tartrate 50 MG/5ML ... 30	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80 55	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG 27
VIRACEPT TABS PO 250 MG 34	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85 55	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG 27
VIRACEPT TABS PO 625 MG 34	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90 55	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO 27
VIREAD POWD 34	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95 56	
VIREAD TABS PO (tenofovir disoproxil fumarate) 34	XALKORI CAPS 29	
VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG 34	XARELTO STARTER PACK TBPK 11	
	XARELTO SUSR 11	
	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG .. 11	
	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG .. 11	

XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	27	ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT- 79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT- 10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT- 63000 UNIT-20000 UNIT	47	ZORBTIVE SC	48
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO	27	ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	47	ZYDELIG	29
XTAMPZA ER	6	ZIAGEN SOLN PO (abacavir sulfate) 34		ZYLET	63
XTANDI CAPS	27	ZIAGEN TABS PO (abacavir sulfate) 34			
XTANDI TABS 40 MG	27	zidovudine CAPS PO	34		
XTANDI TABS 80 MG	27	zidovudine SYRP PO	34		
XULTOPHY	16	zidovudine TABS PO	34		
XYNTHA	52	zileuton TB12 PO	9		
XYNTHA SOLOFUSE	52	ziprasidone hcl PO	31		
YERVOY	26	ZIRABEV	25		
YONDELIS	25	ZIRGAN GEL	62		
YONSA	27	ZOLADEX 10.8 MG	27		
YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3	ZOLADEX 3.6 MG	27		
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3	zoledronic acid CONC	48		
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3	zoledronic acid SOLN	48		
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	ZOLINZA	29		
zafirlukast PO	9	zolmitriptan SOLN	57		
zaleplon PO 10 MG	53	zolmitriptan TABS PO	58		
zaleplon PO 5 MG	53	zolmitriptan TBDP PO	58		
ZALTRAP 100 MG/4ML	25	zolpidem tartrate TABS PO	53		
ZANOSAR	25	zolpidem tartrate TBCR PO	53		
ZARONTIN CAPS PO (ethosuximide)	13	zonisamide CAPS PO	13		
ZARXIO	53	ZONTIVITY PO	52		
ZEJULA CAPS PO	29				
ZEJULA TABS 100 MG	29				
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	29				
ZELBORAF PO	29				

Ambetter Health được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company, Centene Venture Company Florida và Sunshine State Health Plan, Inc. Centene Venture Company Florida và Sunshine State Health Plan, Inc là các đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Florida. Celtic Insurance Company là một đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế tại thị trường Florida. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Celtic Insurance Company, Centene Venture Company Florida và Sunshine State Health Plan, Inc., AmbetterHealth.com. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter Health mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.